



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 04/2026
Từ 26/01 - 30/01/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

BÀI VIẾT CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM: TIẾN LÊN! TOÀN THẮNG ẮT VỀ TA!

Ban Biên tập Bản tin điện tử Cải cách hành chính trân trọng giới thiệu bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm với tiêu đề: “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!”



Ảnh: Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIV đọc Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vừa kết thúc rất thành công là sự kiện chính trị đặc biệt trọng đại, mở ra một kỷ nguyên phát triển mới cho đất nước. Đại hội là sự tập trung cao độ ý chí, nguyện vọng, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, kết tinh trí tuệ và khát vọng vươn lên của dân tộc. Phương châm của Đại hội: “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển” không chỉ là khẩu hiệu, mà thực sự là lời hiệu triệu, là mệnh lệnh của trách nhiệm trước lịch sử, khẳng định niềm tin tất thắng vào con đường Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Với quá trình chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng, khoa học và tiếp thu rộng rãi ý kiến đóng góp trong toàn Đảng, toàn dân, văn kiện Đại hội XIV được thông qua thể hiện tầm nhìn chiến lược và quyết tâm chính trị cao nhất. Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử các kỳ đại hội, Đại hội XIV ban hành Chương trình hành động kèm theo Nghị quyết - một bước đột phá nhằm bảo đảm Nghị quyết đi ngay vào cuộc sống.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Từ chủ trương đến kế hoạch và tổ chức thực hiện đều được xác định rõ ràng ai làm, làm khi nào, cần nguồn lực gì và mục tiêu cuối cùng ra sao. Nhờ vậy, Nghị quyết Đại hội XIV thực sự trở thành một cẩm nang hành động của Đảng và cả hệ thống chính trị, là “ngọn đuốc soi đường” trên con đường phát triển mới.

Nghị quyết Đại hội XIV đề ra mục tiêu tổng quát cho giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến 2045 hết sức rõ ràng, táo bạo nhưng khả thi: giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phát triển đất nước nhanh và bền vững; nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; tăng cường tự chủ, tự cường để tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Quan trọng hơn, Văn kiện Đại hội XIV đã cụ thể hóa ngay tinh thần hành động quyết liệt. Chương trình hành động kèm theo Nghị quyết đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu “lựa chọn đúng - triển khai nhanh - làm đến nơi đến chốn - đo lường bằng kết quả” đối với mọi nhiệm vụ. Mỗi quyết sách lớn của Đại hội đều được xây dựng thành kế hoạch triển khai thực tế, xác định rõ mục tiêu, giải pháp và tiêu chí đánh giá. Tư tưởng “Dân là gốc” được quán triệt xuyên suốt: Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc phát triển, mọi chính sách đều hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; đồng thời đề cao việc tôn trọng, lắng nghe và phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân. Nhờ thế, Nghị quyết Đại hội XIV không dừng ở tầm nhìn và định hướng, mà đã mang trong mình hơi thở của cuộc sống, khơi dậy khát vọng phát triển và động lực hành động mạnh mẽ, sẵn sàng đi vào thực tiễn ngay sau Đại hội.

Từ nghị quyết đến hành động

Nghị quyết đã có, Chương trình đã rõ, vấn đề còn lại là hành động. Đại hội yêu cầu tất cả các cấp ủy đảng khẩn trương quán triệt, học tập, cụ thể hóa Nghị quyết thành những chương trình, kế hoạch phù hợp với địa phương, đơn vị mình, nhanh chóng đưa Nghị quyết và Chương trình hành động vào cuộc sống. Tinh thần chung là phải chuyển mạnh từ “nói” sang “làm”, từ nhận thức thành hành động. Văn kiện Đại hội đã chỉ rõ, cần kiên quyết khắc phục triệt để tình trạng “nói nhiều làm ít”, “nói hay, làm dở”, “nói không đi đôi với làm”, chấm dứt lối làm việc quan liêu, hình thức. Mỗi cấp ủy, mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt người đứng đầu, phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong việc biến quyết sách thành hiện thực. Từ nay, “nói đi đôi với làm” phải trở thành nguyên tắc hành động; mọi chủ trương, nhiệm vụ đề ra đều phải xác định rõ mục tiêu, giải pháp, gắn trách nhiệm với kết quả, gắn đột phá với bền vững và kỷ luật thực thi phải gắn với sự hài lòng của Nhân dân.

Chuyển sang giai đoạn mới, mỗi chủ trương đúng đắn khi ban hành phải được thực hiện với quyết tâm gấp mười lần và hành động gấp trăm lần trong thực tiễn; quyết tâm chính trị phải ở mức cao nhất, nỗ lực ở mức lớn nhất, hành động phải quyết liệt nhất - đó là mệnh lệnh xuất phát từ ý chí và khát vọng phát triển của dân tộc. Từ Trung ương đến địa phương, từ các cơ quan Đảng, Nhà nước đến Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tất cả phải đồng loạt vào cuộc với khí thế mới; trong đó, mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phải gương mẫu, dám nghĩ, dám nói, dám

làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung, đặt kết quả phục vụ Nhân dân làm thước đo cao nhất cho hiệu quả công việc.

Giai đoạn 5 - 10 năm tới

Khoảng thời gian 5 - 10 năm tới chính là giai đoạn bản lề có ý nghĩa quyết định đối với hai mục tiêu chiến lược 100 năm của đất nước. Trong khoảng thời gian không dài này, chúng ta vừa phải hoàn thành các mục tiêu của chặng đường 5 năm 2026 - 2030, vừa tạo nền tảng vững chắc để vươn tới các mốc phát triển cao hơn vào năm 2045. Mục tiêu đến năm 2030 là đưa nước ta trở thành quốc gia có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Điều đó đòi hỏi nền kinh tế liên tục trong nhiều năm phải tăng trưởng bình quân 10%/năm hoặc cao hơn - một tốc độ đột phá chưa từng có, nhưng là mục tiêu hoàn toàn có cơ sở khi chúng ta biết phát huy tối đa các nguồn lực. Đến năm 2045, chúng ta phải thực hiện cho bằng được mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phát triển, thu nhập cao, ngang tầm thế giới.

Chính vì thời gian ngắn, nhiệm vụ nặng nề và mang tính quyết định như vậy, Đại hội XIV đã đề ra những chủ trương, giải pháp có tính cách mạng và đột phá nhằm tranh thủ từng cơ hội, vượt qua mọi thách thức. Trong 5 năm tới, chúng ta phải tăng tốc toàn diện trên tất cả các lĩnh vực then chốt: kinh tế phải bứt phá để đạt mức tăng trưởng cao liên tục; khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được thúc đẩy mạnh mẽ để làm động lực cho phát triển; cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh phải tiến hành quyết liệt, thông thoáng để giải phóng mọi nguồn lực xã hội. Đồng thời, các vấn đề xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa cần được quan tâm đầu tư ngang tầm với tăng trưởng kinh tế, bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục đặt ra yêu cầu rất cao, đặc biệt là xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ - những người “thật sự tiêu biểu về phẩm chất, trí tuệ, bản lĩnh, đủ sức lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ to lớn mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó”.

Nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng là giai đoạn cực kỳ quan trọng để toàn Đảng, toàn dân lập thành tích cao nhất chào mừng 100 năm Ngày thành lập Đảng (2030). Từ bây giờ, tư duy “5 năm với tầm nhìn 20 năm” phải được quán triệt trong chỉ đạo điều hành. Nghĩa là thực hiện thắng lợi mục tiêu 5 năm trước mắt cũng đồng thời là đặt nền móng vững chắc cho mục tiêu nhiều năm tiếp theo. Những quyết sách đúng đắn và đột phá hôm nay không chỉ đem lại kết quả tức thì cho giai đoạn 2026 - 2030, mà còn tạo đà cho bước phát triển nhảy vọt trong những thập niên tới. Nếu chúng ta tận dụng tốt thời cơ, vượt qua thách thức của 5 - 10 năm bản lề này, chắc chắn đất nước sẽ cất cánh mạnh mẽ, hiện thực hóa được hoài bão trở thành một Việt Nam hùng cường vào giữa thế kỷ 21. Ngược lại, nếu để lỡ thời cơ hoặc chậm trễ, sai sót trong giai đoạn bản lề, cái giá phải trả sẽ rất đắt - có thể đánh mất cơ hội của cả dân tộc, tụt hậu xa hơn trong một thế giới biến động nhanh chóng. Nhận thức rõ điều đó, toàn Đảng và toàn dân ta càng quyết tâm hành động thần tốc, quyết liệt ngay từ đầu nhiệm kỳ, không để “một ngày lãng phí, một tuần chậm trễ”.

Vượt lên thách thức

Nhìn về phía trước, chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài thành công. Đại hội XIV đã thắp lên ngọn lửa niềm tin tất thắng, đặt lên vai toàn Đảng, toàn dân ta một trọng trách lịch sử vô cùng nặng nề nhưng cũng rất đỗi vẻ vang. Trước mắt là rất nhiều khó khăn, thách thức, song Đảng ta không cho phép bất cứ sự chùn bước hay thất bại nào trên con đường đã chọn. Cùng với Đảng là niềm tin yêu và kỳ vọng của hơn 100 triệu đồng bào, và trước mắt chúng ta là vận mệnh của cả dân tộc trong thế kỷ 21. Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” mà Đảng đề ra không chỉ là khát vọng mà còn là lời hứa danh dự trước Nhân dân. Vì thế, mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt những người “đứng mũi chịu sào”, phải tự nhắc mình phải vươn lên, phải vượt lên chính mình. Chúng ta không được phép trì hoãn đổi mới, không được phép chậm trễ trong hành động, càng không được phép tự thỏa mãn hay ngủ quên trên vòng nguyệt quế. Bài học của những nhiệm kỳ trước cho thấy: ở đâu có quyết tâm chính trị cao, sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, sâu sát, ở đó công việc chuyển biến tích cực; ngược lại, nếu lơ là, chủ quan, thiếu quyết liệt, thì chủ trương dù đúng mấy cũng khó thành công.

Lịch sử đã chứng minh: Dân tộc Việt Nam chúng ta chưa bao giờ khuất phục trước bất kỳ kẻ thù hay khó khăn nào. Từ những ngày đầu dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã hun đúc nên truyền thống kiên cường, bất khuất, càng gian nan thử thách thì càng đoàn kết, đồng lòng để chiến thắng. Trong thế kỷ 20, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta đã làm nên những chiến thắng “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Ở thời đại mới, trên mặt trận phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta càng phải phát huy tinh thần “không lùi bước, không chùn bước, chỉ có tiến lên, tiến lên không ngừng”. Đảng và Nhân dân ta quyết giành thắng lợi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bởi mỗi bước đi chậm trễ, mỗi mục tiêu không đạt được đều ảnh hưởng đến tương lai của cả dân tộc. “Thành công, nhất định thành công!” - đó là tâm thế, là quyết tâm chính trị mà chúng ta khắc cốt ghi tâm khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV.

Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, chưa bao giờ thời cơ và thách thức lại đan xen phức tạp như hiện nay. Vận mệnh đất nước phụ thuộc vào khả năng nắm bắt thời cơ và vượt qua thách thức của chúng ta. Hội nhập quốc tế sâu rộng đồng nghĩa với việc Việt Nam đứng trước nhiều sức ép cạnh tranh, song cũng mở ra cánh cửa tiếp thu tri thức, công nghệ tiên tiến và nguồn lực phát triển từ bên ngoài. Toàn cầu hóa kinh tế mang lại thị trường lớn cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam, nhưng cũng đòi hỏi chúng ta phải không ngừng nâng cao năng lực nội sinh để vươn lên các nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Những biến động địa - chính trị trên thế giới có thể ảnh hưởng đến môi trường hòa bình, ổn định - điều kiện tiên quyết cho phát triển - vì vậy, nhiệm vụ giữ vững độc lập, chủ quyền và môi trường hòa bình càng trở nên quan trọng. Bối cảnh mới đòi hỏi tư duy và tầm nhìn mới: chúng ta phải chủ động chiến lược, luôn tỉnh táo, nhạy bén trong phân tích tình hình, linh hoạt, sáng tạo trong đối sách, kiên định nguyên tắc nhưng không giáo điều, cứng nhắc.

Với bản lĩnh và trí tuệ của dân tộc Việt Nam, sự tin yêu, đồng lòng nhất trí của Nhân dân, chúng ta có thể khẳng định thuận lợi sẽ nhiều hơn thách thức. Thế và lực của đất nước sau

hơn nửa thế kỷ thống nhất đã lớn mạnh hơn bao giờ hết, tạo tiền đề để chúng ta tự tin vươn lên. Uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao là điều kiện thuận lợi để tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác của bạn bè quốc tế. Điều cốt yếu là chúng ta phải phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, biến sức mạnh tổng hợp ấy thành động lực phát triển đất nước. Chủ động thích ứng, tích cực đổi mới sáng tạo chính là chìa khóa để Việt Nam vượt qua sóng gió, vững vàng tiến bước trong thời đại đầy biến động.

Nhất định thắng lợi

Trong thời khắc đặc biệt này, hơn bao giờ hết, lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu vẫn vang vọng: “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!”. Lời hiệu triệu của Bác năm xưa đã trở thành niềm tin tất thắng, cổ vũ cả dân tộc ta vùng lên giành độc lập, tự do. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lời hiệu triệu ấy vẫn sục sôi khí thế, thôi thúc chúng ta quyết tâm, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, sánh vai với bạn bè năm châu.

Gần 6 triệu đảng viên cùng trên 100 triệu đồng bào đang mang trong tim mình một ngọn lửa khát vọng Việt Nam hùng cường. Đại hội XIV đã trao cho chúng ta ngọn cờ quyết thắng. Giờ là lúc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng siết chặt đội ngũ, chung sức đồng lòng, ra sức thi đua lao động, học tập, công tác và chiến đấu, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội. Giờ là lúc biến tất cả chủ trương, nghị quyết thành hành động, thành kết quả cụ thể. Tương lai, vận mệnh của đất nước thúc giục chúng ta phải hành động, hành động quyết liệt hơn nữa. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng hành động với tinh thần “mỗi người làm việc bằng hai” với tri thức mới, với sự hỗ trợ của khoa học, công nghệ, dưới ánh sáng soi đường của Đảng; chúng ta hành động với ý chí kiên cường, tiến bước trên mọi mặt trận kinh tế, văn hóa, xã hội như những “chiến sĩ thời bình” thì hiệu quả sẽ gấp mười, gấp trăm lần.

Từ niềm tin mãnh liệt vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sức mạnh của Nhân dân, chúng ta cùng đồng thanh: “Dưới cờ Đảng vinh quang, vì tương lai tươi sáng của dân tộc, tiến lên, nhất định thắng”.

Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!

Đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

TRIỂN KHAI PHONG TRÀO THI ĐUA “ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ, CHUYỂN ĐỔI XANH”

Ngày 29/01/2026, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, chủ trì phiên họp lần thứ 17 của Hội đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Phiên họp xem xét kế hoạch phát động phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”; xem xét đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng Lao động cho các tập thể, cá nhân.

Tại phiên họp, Hội đồng đã thảo luận, thống nhất về Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”. Trong đó, tập trung làm rõ nội hàm của phong trào trong bối cảnh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết của Bộ Chính trị; các căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn; mục đích, ý nghĩa, nội dung, tiêu chí, hình thức, tiêu chuẩn; giải pháp, thời gian thực hiện phát động phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”.

Phát biểu tại phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết, hưởng ứng tinh thần hành động của Đại hội Đảng lần thứ XIV và triển khai ngay Nghị quyết Đại hội, với phương châm “làm việc nào dứt việc đó, làm đến cùng, lấy hiệu quả làm thước đo”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương triển khai ngay công tác thi đua, khen thưởng.

Điềm lại kết quả phong trào thi đua yêu nước thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết, nhiều phong trào được tổ chức thành công thiết thực, góp phần vào phát triển đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân như: “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19”, “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước”, “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, “500 ngày đêm thi đua hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc”, “Chiến dịch Quang Trung xây, sửa nhà cho người dân miền Trung bị hư hại do thiên tai”, “Thi đua học tập suốt đời”, “Bình dân học vụ số”...

Nhấn mạnh 9 định hướng lớn đối với phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong giai đoạn mới mà Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo tại Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI vừa qua, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu Bộ Nội vụ - cơ quan Thường trực của Hội đồng xây dựng chương trình hành động triển khai, trong đó phân công cụ thể rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền để thực hiện, hoàn thành trong tháng 2/2026.

Với quan điểm “thi đua là gieo trồng, khen thưởng là gặt hái”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo tiếp tục tổ chức tốt các phong trào thi đua đã phát động trước đây, đồng thời phát động các phong trào thi đua mới phù hợp với bối cảnh mới, thiết thực thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị; các phong trào phải được sự tham gia của toàn dân và mọi người được hưởng thụ; góp phần “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái”, mang lại hạnh phúc, ấm no cho nhân dân; xây dựng đất nước hùng cường, thịnh vượng, nhân văn, hòa bình, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu các phong trào đi vào những vấn đề mới, vấn đề khó, hướng tới chủ động nắm bắt và thực hiện 5 chiến lược: Hoàn thiện thể chế chiến lược; huy động nguồn lực chiến lược; đầu tư hạ tầng chiến lược; phát triển công nghệ chiến lược; giữ cân bằng chiến lược.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh tinh thần “4 không: Không lãng phí một ngày, không chậm trễ trong một tuần, không bỏ lỡ cơ hội trong một tháng và không bị động trong một năm”, “nói đi đôi với làm”, “nói ít, làm nhiều”, “nghe thật, nói thật, làm thật, hiệu quả thật”, “không hình thức, không màu mè, không khoa trương”.

Nhất trí với việc phát động phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng yêu cầu nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát động các phong trào thi đua về phát triển kinh tế tư nhân và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước, phong trào xây dựng xã, phường, đặc khu an toàn, hạnh phúc, không có ma túy, không có tội phạm...

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhắc nhở việc phát động và tổ chức phong trào thi đua trong giai đoạn mới phải gắn với nội dung, tiêu chí cụ thể, hình thức phù hợp, thiết thực, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân; tạo động lực, truyền cảm hứng toàn dân tộc tham gia thi đua, tích cực phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi kép-xanh và số.

Cùng với đó, phát huy truyền thống yêu nước, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp, nhà khoa học, trí thức, học sinh, sinh viên và toàn thể nhân dân; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển quốc gia, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong toàn hệ thống chính trị và trong nhân dân, tham gia phát triển đất nước nhanh và bền vững; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực Hội đồng xây dựng chương trình với tinh thần khẩn trương, xác định rõ mục tiêu, nội hàm, quan điểm, đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ, giải pháp, tổ chức thực hiện, báo cáo Hội đồng phát động, triển khai bảo đảm chuyên nghiệp, bài bản, hiệu quả các phong trào thi đua, trong đó có phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”.

Nguồn: baohinhphu.vn

CÁN BỘ TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHẢI CHỦ ĐỘNG, TẬN TÂM PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Ngày 27/01/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã đi thăm và động viên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận qua tiếp xúc, người dân và doanh nghiệp đều bày tỏ sự hài lòng vì có thể làm thủ tục trực tuyến hoặc trực tiếp một cách nhanh chóng, không có tiêu cực hay “tham nhũng vặt”.

Chia sẻ với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, mục tiêu cuối cùng của Trung tâm là phục vụ nhân dân, giảm bớt thủ tục rườm rà, giảm chi phí và thời gian đi lại cho người dân. Đồng thời, cán bộ cần có thái độ làm việc chủ động, tận tâm, trách nhiệm và mềm mỏng. Tuyệt đối phải thực hiện công khai, minh bạch, đúng hạn, đúng giờ; nếu hồ sơ không được giải quyết phải giải thích rõ lý do, trả lời rõ ràng cho người dân việc gì làm được, việc gì không làm được và đúng thời hạn quy định. Trung tâm cần bố trí người trực tiếp nhận hồ sơ 24/24h, từ đó phục vụ người dân tốt hơn.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh như vẫn còn vướng mắc trong việc thanh toán không dùng tiền mặt; chưa xuất được biên lai điện tử; tốc độ xử lý trên hệ thống dịch vụ công vẫn phụ thuộc vào phần mềm của các bộ chủ quản còn chậm; hệ thống dịch vụ công hiện chưa hỗ trợ tốt các thủ tục liên thông phi địa giới trên nền tảng của các bộ, ngành Trung ương...

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu tỉnh Quảng Ninh sớm có tổng hợp báo cáo các thủ tục trên dịch vụ công còn vướng mắc với các bộ, ngành Trung ương để Thủ tướng kịp thời chỉ đạo tháo gỡ, khắc phục tình trạng “hạ tầng địa phương tốt nhưng phần mềm của Bộ chưa tương xứng”, góp phần đưa hệ thống dữ liệu trên cổng dịch vụ công “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung” giữa các bộ, ngành Trung ương và địa phương, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính lưu ý lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh sớm có chính sách nâng mức phụ cấp đặc thù cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm để ngăn chặn tiêu cực và đảm bảo đời sống.

Nguồn: nhandan.vn

TẬP TRUNG 5 ĐỘT PHÁ VỀ DỮ LIỆU SỐ

Ngày 26/01/2026, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 43/TB-VPCP kết luận Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu.

Thông báo nêu, năm qua, Ban Chỉ đạo đã trình Quốc hội thông qua 28 dự án luật; các cơ sở dữ liệu quan trọng như dân cư, đăng ký doanh nghiệp, đất đai, tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, hộ tịch điện tử được kết nối, tích hợp, chia sẻ và khai thác hiệu quả; hạ tầng dữ liệu từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả. Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 đã đi vào hoạt động; cả nước có gần 40 trung tâm dữ liệu và đang nghiên cứu xây dựng siêu trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo...

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như: Thể chế, cơ chế chính sách về dữ liệu còn thiếu, chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ cho phát triển các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu cốt lõi; dữ liệu còn phân tán, phân mảnh, chất lượng chưa đồng đều, chuẩn hóa chậm, chia sẻ, liên thông chưa thông suốt, vẫn còn tâm lý “cát cứ dữ liệu”, chưa xác định rõ dữ liệu gốc, dữ liệu chủ; tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành còn chậm; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục

hành chính dựa trên dữ liệu số còn chậm, số hóa và tái cấu trúc quy trình chưa có nhiều chuyển biến, tỷ lệ dịch vụ công toàn trình còn thấp...

Phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu là động lực quan trọng góp phần tăng trưởng 2 con số

Theo nhận định của Ban Chỉ đạo, thế giới bước vào giai đoạn “vũ khí” cạnh tranh giữa các quốc gia; an ninh mạng, gián điệp mạng diễn biến phức tạp, đe dọa chủ quyền số, trong khi yêu cầu chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong nước đặt ra cấp bách, đòi hỏi thực chất và hiệu quả hơn.

Chính vì vậy, dữ liệu số là tư liệu sản xuất chủ yếu, đầu vào trọng yếu của kinh tế số. Cần phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu với những đột phá và cải cách mạnh mẽ, toàn diện hơn nữa để Việt Nam bắt kịp, tiến cùng và vươn lên trên các lĩnh vực, là động lực quan trọng góp phần tăng trưởng 2 con số thời gian tới. Tập trung 05 đột phá dữ liệu số: (i) Đột phá về thể chế dữ liệu; (ii) Đột phá về hạ tầng dữ liệu gắn với trí tuệ nhân tạo tự chủ; (iii) Đột phá về nhân lực dữ liệu; (iv) Đột phá về phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; (v) Đột phá về phát triển hệ sinh thái dữ liệu và kinh tế dữ liệu; gắn với phương châm: “Quyết liệt trong hành động; kết quả là thước đo; đồng bộ trong triển khai; dữ liệu là tài sản; hạ tầng dữ liệu là nền tảng; kinh tế dữ liệu là mũi nhọn; an ninh dữ liệu là trọng yếu; người dân, doanh nghiệp là trung tâm”.

Ban Chỉ đạo đã đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ ban hành: Quy chế tổ chức và hoạt động; Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu, hoàn thành trong tháng 01/2026.

Các bộ, ngành, địa phương thành lập Ban Chỉ đạo về dữ liệu do Bộ trưởng, Trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm Trưởng ban, phân công nhiệm vụ bảo đảm 6 rõ, hoàn thành trong tháng 01/2026.

Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đột phá phát triển về dữ liệu

Bộ Công an được giao nhiệm vụ: 1- Nghiên cứu, trình Chính phủ ban hành các Nghị định sau theo trình tự thủ tục rút gọn gồm Nghị định quy định hoạt động của Sàn dữ liệu, hoàn thành trong Quý II/2026; Nghị định quy định cơ chế đột phá phát triển cho hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu của Trung tâm sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong Quý I/2026; Nghị định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hoàn thành trong Quý II/2026; 2- Trình Chính phủ ban hành Nghị quyết quy phạm về phát triển Công dân số, hoàn thành trong Quý I/2026; 3- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền cơ chế, chính sách phát triển kinh tế dữ liệu, hoàn thành trong Quý II/2026; 4- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan ban hành danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu, hoàn thành trong Quý II/2026.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng khung pháp lý về định giá dữ liệu, phí, giá khai thác dữ liệu từ Trung tâm dữ liệu quốc gia, chính sách ưu đãi thuế, vốn cho doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến dữ liệu, hoàn thành trong Quý II/2026.

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh việc xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo danh mục để bảo đảm áp dụng chung, thống nhất trong toàn quốc, hoàn thành trong Quý II/2026.

Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương: 1 - Xây dựng quyết định ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung; quy trình, quy chế thực hiện quản trị dữ liệu; quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin có kết nối, trao đổi dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; triển khai xây dựng kiến trúc dữ liệu, hoàn thành trong Quý I/2026; 2 - Xác định, công bố, cập nhật bộ dữ liệu chủ chuyên ngành tích hợp vào Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung, hoàn thành trong Quý II/2026.

Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách nhằm kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thủ tục hành chính, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương; chỉ ban hành thủ tục hành chính mới khi thật sự cần thiết, đáp ứng yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tính hợp lý và có chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thấp; đồng thời bảo đảm phù hợp với đặc thù và điều kiện thực tiễn của địa phương, hoàn thành trong Quý III/2026.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu quan trọng

Ban Chỉ đạo yêu cầu các Bộ trưởng, Trưởng ngành trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các cơ sở dữ liệu phải bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; đồng thời, đẩy mạnh tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Bộ Nội vụ đẩy nhanh việc cập nhật, làm sạch và đối soát 100% dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hoàn thành trong Quý I/2026; khẩn trương xây dựng các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội, nâng cấp và tích hợp dữ liệu từ địa phương về Trung ương để chính thức đi vào hoạt động, hoàn thành trong Quý II/2026.

Bộ Công an đẩy nhanh tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính, tập trung tháo gỡ vướng mắc theo Nghị quyết số 66.9/2025/NQ-CP của Chính phủ, hoàn thành trong tháng 9/2026; nghiên cứu xây dựng Cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo tự chủ tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đẩy nhanh hoàn thiện các cơ sở dữ liệu thành phần như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, tài nguyên nước và môi trường..., đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu từ địa phương về Trung ương, hoàn thành trong Quý III/2026.

Bộ Y tế cần sớm hoàn thành các hạng mục cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu ngành y tế, bảo đảm dữ liệu chính xác, tin cậy, theo thời gian thực; liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hoàn thành trong Quý II/2026.

Thanh tra Chính phủ khẩn trương khắc phục các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục chính, đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu trên toàn quốc, hoàn thành trong tháng 9/2026.

Các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành khẩn trương xây dựng, phát triển, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu được giao tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày

14/01/2026 và Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ; trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu phải gắn với cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến dựa trên dữ liệu số; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu, hoàn thành trong Quý III/2026.

Phát triển hạ tầng dữ liệu

Bộ Công an khẩn trương hoàn thành, vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 theo lộ trình, đề xuất nghiên cứu xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2 và 3. Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương đăng ký, xây dựng lộ trình và phương án chuyển dịch hạ tầng về Trung tâm dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong Quý I/2026.

Phát triển nhân lực chất lượng cao để phát triển kinh tế dữ liệu

Bộ Công an xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chuyên sâu, các lớp tập huấn về khoa học dữ liệu cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu tại các bộ, ngành, địa phương, hoàn thành trong Quý III/2026.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh đào tạo nhân lực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; mở rộng đào tạo ở nước ngoài, cấp chứng chỉ quốc tế; tăng cường hợp tác với các tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu hàng đầu để phát triển nhân lực dữ liệu trình độ cao.

Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp Bộ Công an thiết lập và mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức, quốc gia có thế mạnh về quản trị, chủ quyền dữ liệu, AI và hạ tầng dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong Quý III/2026.

Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu quốc gia

Các bộ, ngành, địa phương xây dựng phương án bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu trước khi kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Bộ Công an khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ dữ liệu; phối hợp các bộ, ngành, địa phương kiểm tra, rà soát công tác bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu tại nguồn; giám sát luồng dữ liệu xuyên biên giới; rà soát, đánh giá hiện trạng chuyển dữ liệu xuyên biên giới liên quan đến danh mục dữ liệu cốt lõi, quan trọng theo Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỔI MỚI TƯ DUY XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TỪ “KHÔNG QUẢN ĐƯỢC THÌ CẤM” SANG “KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN”

Ngày 26/01/2026, Văn phòng Chính phủ có thông báo số 44/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Phiên họp lần thứ bảy về rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật (Ban Chỉ đạo).

Nhiều kết quả nổi bật tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” do quy định pháp luật

Thông báo kết luận nêu rõ, trong nhiệm kỳ của Chính phủ từ năm 2020 đến năm 2025, đặc biệt là trong năm 2025, nhiệm vụ rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” về thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách đã đạt nhiều kết quả nổi bật với sự chỉ đạo sát sao, liên tục của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự vào cuộc, tham gia của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của Bộ Chính trị được ban hành đã đề ra các cơ chế, chính sách tạo đột phá cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, được thể chế hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ.

Tính công khai, minh bạch trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật ngày càng được nâng cao. Việc tham vấn chính sách, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật luôn được chú trọng tăng cường thông qua nhiều phương thức khác nhau, trong đó Cổng Pháp luật quốc gia đóng vai trò là một kênh thông tin, cầu nối quan trọng để Nhân dân, các cơ quan, tổ chức kịp thời đóng góp, bảo đảm các quy định pháp luật bám sát thực tiễn. Các Bộ, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tiếp thu, giải trình và công khai việc tiếp thu, giải trình tới các cá nhân, tổ chức liên quan.

Các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức tham gia công tác xây dựng pháp luật được quan tâm thỏa đáng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật, thể chế.

Sự phối hợp giữa Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan có liên quan trong xây dựng pháp luật ngày càng chặt chẽ, có hiệu quả hơn, trong đó Bộ, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo dự án luật, nghị quyết có trách nhiệm tham vấn với các cơ quan của Quốc hội từ khâu xây dựng chính sách nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa Chính phủ, Quốc hội ngay từ giai đoạn đầu của quy trình xây dựng, ban hành luật, nghị quyết.

Công tác rà soát, xử lý khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” do quy định pháp luật đạt kết quả tích cực với một số lượng lớn các phản ánh, kiến nghị trong giai đoạn từ năm 2020 - 2025 đã được xem xét, xử lý. Kết quả rà soát trở thành cơ sở, nguồn dữ liệu đáng tin cậy cho nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, pháp luật, bảo đảm kịp thời sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật.

Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, rà soát, xử lý các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong năm 2025 và cả nhiệm kỳ vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tập trung khắc phục: Khối lượng lớn các văn bản quy phạm pháp luật cần được sửa đổi, bổ sung trong khi nguồn lực còn hạn chế nên một số hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa bảo đảm yêu cầu chất lượng, thời hạn.

Các Bộ, cơ quan phải xử lý số lượng lớn các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc nên còn xảy ra tình trạng chậm xử lý, chưa bảo đảm kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, “điểm nghẽn” trong quy định pháp luật, thời hạn; tình trạng chậm ban hành các văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua chưa được khắc phục triệt để...

Tập trung 6 mục tiêu trong Quý I và năm 2026

Ban Chỉ đạo yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Quý I và năm 2026 phải bảo đảm 06 mục tiêu:

Đề cao trách nhiệm, phát huy vai trò của người đứng đầu, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo tập trung, tổ chức thực hiện công tác xây dựng pháp luật. Các đồng chí Lãnh đạo Chính phủ phụ trách lĩnh vực tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo Bộ trưởng, trưởng ngành trong công tác rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Tiếp tục xác định thể chế là “đột phá của đột phá” để có cơ chế đầu tư phù hợp, ưu tiên bố trí nguồn lực, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm khác tương xứng.

Tập trung cho công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật để “chuyển đổi trạng thái” của thể chế từ “điểm nghẽn của điểm nghẽn” trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia và động lực, nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Xoay chuyển tình thế trong huy động các nguồn lực phục vụ mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm 2026 và những năm tiếp theo, trong đó lưu ý tập trung huy động các nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật từ “không quản được thì cấm” sang “kiến tạo phát triển”, bảo đảm chất lượng, hiệu quả hơn, thực hiện “ai làm tốt nhất thì giao”, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính.

Xác định rõ tinh thần xây dựng thể chế, pháp luật để tạo động lực cho xây dựng, phát triển đất nước là chiến lược, là cơ bản, lâu dài và “phòng, chống là thường xuyên, quan trọng”, phục vụ công tác quản lý trên các lĩnh vực.

Không để tình trạng “luật chờ nghị định, nghị định chờ thông tư”

Về triển khai nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo trong Quý I và năm 2026, Ban Chỉ đạo yêu cầu các Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, các Bộ trưởng, trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo việc xây dựng, hoàn thiện thể chế của ngành mình, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; đề cao vai trò, tinh thần chủ động, chịu trách nhiệm toàn diện, tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao, trong đó bảo đảm thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, không để tình trạng “luật chờ nghị định, nghị định chờ thông tư”, tập trung xử lý dứt điểm tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết trong tháng 01 năm 2026.

Tiếp tục hoàn thiện kết quả rà soát, bảo đảm xác định chính xác nội dung, thực hiện phương án xử lý và thời gian xử lý đối với những nội dung được xác định là khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, nhất là nội dung liên quan đến chính quyền địa phương 2 cấp và các vướng mắc, khó khăn trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Tập trung rà soát kỹ các quy định của pháp luật để phục vụ cho việc xây dựng và hoàn thiện các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết được đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội; đồng thời, chuẩn bị kỹ nội dung các hồ sơ dự án luật, nghị quyết phục vụ các phiên họp Chính phủ về chuyên đề xây dựng pháp luật, bảo đảm chất lượng, thời hạn theo quy định.

Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm kết nối, liên thông, kịp thời xử lý, giải quyết các kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, góp ý của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

Nguồn: baohinhphu.vn

THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN TRONG QUY ĐỊNH VỀ HÀNG GIẢ TRONG LUẬT THƯƠNG MẠI

Bộ Công Thương đang soạn thảo dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trong đó, Bộ đề xuất chính sách tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn trong quy định về hàng giả trong Luật

Bộ Công Thương cho biết, việc quy định khái niệm “hàng giả” ở cấp Luật giúp củng cố cơ sở pháp lý, hiệu lực của khái niệm “hàng giả” từ đó áp dụng thống nhất, không chỉ giới hạn trong xử lý các hành vi vi phạm mà còn tạo cơ sở thúc đẩy biện pháp quản lý, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát hiện “hàng giả”, từ đó nâng cao hiệu quả của công cuộc đấu tranh, phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, doanh nghiệp, bảo vệ an ninh, an toàn sức khỏe cho Nhân dân, góp phần phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Bộ Công Thương đề xuất bổ sung thêm 1 khoản tại Điều 3 của Luật Thương mại về giải thích từ ngữ liên quan đến hàng giả, cụ thể:

“Hàng giả” bao gồm:

a) Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi hoặc giá trị sử dụng, công dụng dự định của hàng hóa; hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký;

b) Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa đạt tỷ lệ dưới mức do Chính phủ quy định so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa;

d) Thuộc thủ y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; có ít nhất một trong các hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng;

đ) Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa;

e) Tem, nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa giả bao gồm: đề can, nhãn hàng hóa (bao gồm cả nhãn điện tử, hộ chiếu số của sản phẩm, hàng hóa), bao bì hàng hóa, các loại tem chất lượng, dấu chất lượng, tem truy xuất nguồn gốc, phiếu bảo hành, niêm màng co hàng hóa hoặc vật phẩm khác của tổ chức, cá nhân kinh doanh có chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo tên thương mại, tên thương phẩm, mã số mã vạch, mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố của hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác.

g) Hàng hóa khác mà Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định là hàng giả”.

Giải pháp thực hiện chính sách

Bộ Công Thương đề ra 2 giải pháp thực hiện chính sách. Cụ thể:

Giải pháp 1: Quy định các trường hợp được xác định là “hàng giả” trong Luật Thương mại.

Giải pháp 2: Giữ nguyên việc quy định trường hợp được xác định là “hàng giả” ở Nghị định số 98/2020/NĐ-CP.

Bộ Công Thương kiến nghị lựa chọn “Giải pháp 1: Quy định khái niệm “hàng giả” trong Luật Thương mại” nhằm củng cố cơ sở pháp lý, hiệu lực của khái niệm “hàng giả” từ đó áp dụng thống nhất, không chỉ giới hạn trong xử lý các hành vi vi phạm mà còn tạo cơ sở thúc đẩy biện pháp quản lý, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát hiện “hàng giả”, từ đó nâng cao hiệu quả của công cuộc đấu tranh, phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, doanh nghiệp, bảo vệ an ninh, an toàn sức khỏe cho Nhân dân, góp phần phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Theo Bộ Công Thương, việc quy định các trường hợp được xác định là “hàng giả” trong Luật Thương mại nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân quy định tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân

phẩm” và khoản 2 Điều 38 Hiến pháp năm 2013: “Ng nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng.” Theo đó, việc quy định khái niệm “hàng giả” trong Luật Thương mại tạo cơ sở pháp lý mạnh mẽ trong việc đấu tranh, phòng, chống các hành vi sản xuất, buôn bán những hàng hóa được xác định là “hàng giả”, qua đó bảo vệ sức khỏe của cộng đồng.

Đồng thời, việc quy định các trường hợp được xác định là “hàng giả” trong Luật Thương mại cũng tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo đảm công bằng, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế bền vững theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Hiến pháp năm 2013: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước.” và Điều 52 Hiến pháp năm 2013: “Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường”.

Tuy nhiên, việc quy định các trường hợp được xác định là “hàng giả” trong Luật Thương mại cũng có liên quan trực tiếp quyền tự do kinh doanh được quy định tại Điều 33 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” do quy định khái niệm “hàng giả” sẽ những giới hạn nhất định đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện kinh doanh của mình.

Hiện nay, thuật ngữ “hàng giả” đã được nhắc đến trong các quy định tại Luật Thương mại năm 2005 (khoản 4 Điều 123; điểm c khoản 1 Điều 134; điểm e khoản 1 Điều 320). Tuy nhiên, Luật Thương mại hiện nay không có quy định về khái niệm “hàng giả”.

Khái niệm “hàng giả” hiện đang được quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, theo đó, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP xác định “hàng giả” bao gồm:

- + Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký;

- + Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa;

- + Thuốc giả theo quy định tại khoản 33 Điều 2 của Luật Dược năm 2016 và dược liệu giả theo quy định tại khoản 34 Điều 2 của Luật Dược năm 2016;

- + Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; có ít nhất một trong các hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng;

- + Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu

hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa;

+ Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả.

Trước đó, việc quy định các trường hợp được xác định là "hàng giả" cũng đã được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật ở cấp Nghị định như Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng số 140-HĐBT ngày 25-4-1991 quy định về kiểm tra, xử lý việc sản xuất, buôn bán hàng giả; Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16/01/2008 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại; Nghị định số 08/2013/NĐ-CP ngày 10/01/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả; Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2018/NĐ-CP. Do đó, việc quy định các trường hợp được xác định là “hàng giả” không phải là một quy định mới mà chỉ có khả năng tác động đến việc phải bãi bỏ quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP.

Tuy nhiên, việc chỉ quy định khái niệm cũng như các trường hợp được xác định là “hàng giả” tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP đang tạo ra giới hạn về hiệu lực khi việc xác định "hàng giả" chỉ áp dụng trong xử lý vi phạm hành chính (cách hiểu từ ngữ “hàng giả” trong khuôn khổ của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP) mà chưa bảo đảm cơ sở để áp dụng chung cho pháp luật quản lý nhà nước và pháp luật hình sự trong khi thực tế hiện nay Luật Thương mại có quy định thuật ngữ “hàng giả” và trong Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 (Điều 192, Điều 193, Điều 194 và Điều 195) dẫn tới sự cần thiết cần nghiên cứu, bổ sung quy định các trường hợp xác định là “hàng giả” tại Luật Thương mại để làm cơ sở áp dụng chung, có giá trị pháp lý cao và thống nhất.

Tác động về kinh tế - xã hội

Đối với nhà nước: Việc quy định khái niệm “hàng giả” ở cấp Luật giúp củng cố cơ sở pháp lý, hiệu lực của khái niệm “hàng giả” từ đó áp dụng thống nhất, không chỉ giới hạn trong xử lý các hành vi vi phạm mà còn tạo cơ sở thúc đẩy biện pháp quản lý, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát hiện “hàng giả”, từ đó nâng cao hiệu quả của công cuộc đấu tranh, phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, doanh nghiệp, bảo vệ an ninh, an toàn sức khỏe cho Nhân dân, góp phần phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững. Tuy nhiên, việc quy định ở cấp Luật sẽ đề cao tính ổn định, khó sửa đổi, bổ sung để theo kịp với những diễn biến khó lường của thị trường hàng hóa trong nước.

Đối với doanh nghiệp: Việc quy định khái niệm “hàng giả” trong Luật Thương mại có ý nghĩa quan trọng và trực tiếp trong việc bảo đảm ổn định thị trường, từ đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là những doanh nghiệp

chân chính, có hàng hóa bị làm giả, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, đảm bảo uy tín, chất lượng và sự phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Đối với tổ chức, cá nhân: Việc quy định khái niệm “hàng giả” trong Luật Thương mại tạo cơ sở cho công cuộc đấu tranh, phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, qua đó góp phần bảo đảm quyền được bảo vệ về sức khỏe, tính mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, những người tiêu dùng.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

NGÀNH THUẾ NỖ LỰC XÂY DỰNG NỀN TÀI CHÍNH CÔNG HIỆN ĐẠI, CHUYÊN NGHIỆP

Giữa bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, ngành thuế đã nỗ lực thực hiện mục tiêu cải cách, minh bạch và công bằng góp phần quan trọng vào việc bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội bền vững, làm tiền đề cho toàn ngành bước vào kỷ nguyên mới.

Năm 2025 đánh dấu một chặng đường đầy nỗ lực và chuyển mình mạnh mẽ của ngành thuế Việt Nam trong sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tiến trình hiện đại hóa, chuyển đổi số và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và chất lượng phục vụ người nộp thuế

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của Bộ Tài chính, ngành Thuế đã triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo lộ trình thống nhất, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ và đúng quy định, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đến nay, cơ cấu tổ chức của Cục Thuế gồm: 12 ban, đơn vị tại Trung ương, 34 thuế tỉnh/thành phố (gồm 340 phòng) và 350 thuế cơ sở.

Việc tổ chức lại mô hình quản lý, chuyển từ “quản lý theo chức năng” sang “quản lý theo đối tượng” bảo đảm công tác quản lý được thực hiện xuyên suốt, toàn diện theo từng nhóm đối tượng, gắn trách nhiệm quản lý với trách nhiệm phục vụ. Mô hình mới được triển khai đồng bộ thông qua áp dụng ứng dụng chuyển đổi số, khai thác dữ liệu lớn và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, phân tích rủi ro và hỗ trợ ra quyết định.

Thu ngân sách năm 2025 do ngành thuế quản lý vượt mốc 2,3 triệu tỷ đồng

Thu ngân sách nhà nước lần đầu vượt mốc 2,3 triệu tỷ đồng (đạt 2.321.552 tỷ đồng), vượt 35% dự toán Quốc hội giao; tăng 32,5% so với cùng kỳ và cao nhất trong vòng 10 năm qua.

Để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách được Quốc hội giao, ngay từ đầu năm 2025, cơ quan thuế các cấp đã nỗ lực trong việc thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, tạo điều kiện nuôi dưỡng nguồn thu, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp và chuyển đổi số đồng bộ trong quản lý thu, kiểm soát chặt chẽ công tác khai

thuế, nộp thuế, chống thất thu, thu hồi nợ thuế và quản lý các nguồn thu tiềm năng như: kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh xuyên biên giới...

Hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý thuế

Ngành thuế đã nghiên cứu, soạn thảo và trình Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã chính thức thông qua Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 với đại đa số đại biểu tán thành.

Năm 2025, ngành thuế đã triển khai công tác tham mưu chính sách và phối hợp các đơn vị thuộc Bộ Tài chính hoàn thành khối lượng văn bản quy phạm pháp luật lớn với 9 nghị định và 4 thông tư.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, tự động hóa quy trình quản lý thuế

Ngành thuế đã hoàn thành nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các chính sách, nghiệp vụ thuế mới; triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế; Triển khai Cổng trải nghiệm dành cho hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi từ mô hình thuế khoán sang kê khai từ ngày 01/01/2026.

Nâng cấp Cổng thương mại điện tử đáp ứng yêu cầu bổ sung tờ khai khấu trừ thuế đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

Triển khai Hệ thống hoàn thuế thu nhập cá nhân tự động từ tháng 4/2025 và nhận giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2025 ở hạng mục “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc”. Kết nối tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về thuế vào cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính phục vụ trao đổi thông tin với các bộ, ngành và triển khai thí điểm Trung tâm dữ liệu quốc gia về đánh giá sức khỏe doanh nghiệp, đánh giá dịch vụ công, giám sát đầu tư công...

Cục Thuế đã triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng 100% thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến, không phụ thuộc vào địa giới hành chính từ ngày 01/7/2025.

Đồng thời, Cục Thuế hoàn thành triển khai Ứng dụng Chatbot - Hỗ trợ người nộp thuế tích hợp trên hệ thống eTax Mobile ngày 06/12/2025.

Xóa bỏ thuế khoán, đồng hành cùng hộ, cá nhân kinh doanh khai thuế minh bạch, bình đẳng từ 01/01/2026

Nhằm đồng hành, hỗ trợ hộ, cá nhân kinh doanh trong quá trình chuyển đổi, ngành Thuế ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW và Kế hoạch “60 ngày cao điểm chuyển đổi mô hình từ thuế khoán sang kê khai đối với HKD”.

Đồng thời, huy động nguồn lực, thống nhất hành động và hỗ trợ trực tiếp cho hàng triệu hộ, cá nhân kinh doanh từ đó tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, giúp hộ, cá nhân kinh doanh tiếp cận kịp thời thông tin, chủ động chuyển đổi mô hình theo hướng minh bạch, công bằng, phù hợp thực tiễn.

Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu thuế thương mại điện tử

Tổng thu từ thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số năm 2025 ước đạt 208.800 tỷ đồng, tăng 66,5% so với năm 2024. Tính chung 4 năm (2022 - 2025), số thu từ lĩnh vực này đạt gần 500 nghìn tỷ đồng.

Trong bối cảnh kinh tế số phát triển mạnh mẽ, ngành thuế đã triển khai các ứng dụng chuyên biệt cho tổ chức, cá nhân kinh doanh trực tuyến, gồm: Cổng đăng ký, kê khai, nộp thuế cho nhà cung cấp nước ngoài; Cổng đăng ký, kê khai, nộp thuế cho hộ/cá nhân kinh doanh trong nước; Cổng thông tin điện tử cho các Sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp mạnh mẽ để quản lý thuế thương mại điện tử: Chống thất thu thuế đối với cá nhân, hộ kinh doanh có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số có doanh thu cao như các KOL, KOC, cá nhân livestream bán hàng trên các trang mạng xã hội như Facebook, Tiktok, YouTube và Zalo...

Hợp nhất mã số thuế với số định danh cá nhân (căn cước công dân)

Cơ quan thuế đã hoàn thành rà soát, chuẩn hóa toàn bộ dữ liệu thuế cá nhân nhằm bảo đảm quá trình chuyển đổi sang sử dụng số định danh cá nhân được thực hiện trơn tru, đúng tiến độ. Số lượng mã số thuế đã khớp đúng với Bộ Công an là 62,81 triệu mã số thuế, đạt tỷ lệ khớp đúng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hơn 95%.

Đồng thời, ngành thuế đã hoàn thành nâng cấp hệ thống thuế điện tử đáp ứng nhu cầu đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử trên VNeID để thực hiện các thủ tục hành chính về thuế từ ngày 01/7/2025 và Hệ thống ứng dụng của ngành Thuế hỗ trợ kiểm tra dữ liệu khớp đúng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đáp ứng việc sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế từ 01/7/2025. Đến nay, đã có hơn 22 triệu lượt truy cập vào hệ thống thuế điện tử bằng tài khoản định danh điện tử (VNeID).

Đơn giản hóa thủ tục hành chính và triển khai hệ thống trực tuyến đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế đối với công chức thuế

Với mục tiêu cải thiện chất lượng phục vụ, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi và nâng cao niềm tin của người nộp thuế, từ tháng 7/2025, Cục Thuế triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người nộp thuế bằng phương thức điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Nội dung đánh giá về: (1) Đánh giá công tác giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế; (2) Đánh giá công tác hỗ trợ người nộp thuế của cơ quan thuế; (3) Đánh giá công tác kiểm tra của cơ quan thuế; (4) Đánh giá công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và phản ánh kiến nghị của cơ quan thuế.

Đến thời điểm 22/12/2025, đã có hơn 210 nghìn người nộp thuế tham gia khảo sát, kết quả cho thấy chỉ số hài lòng chung của người nộp thuế với sự phục vụ của cơ quan thuế đã đạt 92,2% (cao hơn 2,2% so với mục tiêu đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế trong năm 2025).

Nguồn: nhandan.vn

BỘ XÂY DỰNG SỬA ĐỔI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Bộ trưởng Xây dựng vừa ký ban hành Quyết định số 2530/QĐ-BXD công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Quyết định nhằm tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực hàng hải, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Theo Quyết định số 2530/QĐ-BXD, việc sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính được thực hiện trên cơ sở Nghị định số 33/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành về kiểm soát thủ tục hành chính. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các thủ tục hành chính tương ứng do Bộ Giao thông vận tải công bố trước đây.

Điểm đáng chú ý trong danh mục thủ tục hành chính mới là việc tối ưu hóa quy trình đăng ký và cấp Sổ thuyền viên. Theo quy định, thời hạn giải quyết thủ tục được rút ngắn còn 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn nộp hồ sơ theo ba hình thức: nộp trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến chưa đầy đủ, cơ quan đăng ký có trách nhiệm hướng dẫn hoàn thiện thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống trong thời hạn không quá 2 ngày làm việc. Lệ phí cấp sổ được quy định thống nhất là 190.000 đồng/sổ.

Cùng với các thủ tục phục vụ tổ chức, cá nhân, Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung hai thủ tục hành chính nội bộ quan trọng gồm: Cấp thẻ Sĩ quan kiểm tra tàu biển và Đổi, cấp lại thẻ Sĩ quan kiểm tra tàu biển.

Theo đó, thời hạn giải quyết thủ tục cấp mới thẻ được quy định tối đa 7 ngày làm việc. Đối với các trường hợp đổi, cấp lại thẻ do mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin, thời gian giải quyết không quá 5 ngày làm việc. Các thủ tục này không thu phí, lệ phí và được thực hiện tại Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Bộ Xây dựng giao Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chủ trì triển khai thực hiện. Các Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, phía Nam cùng các Cảng vụ hàng hải được ủy quyền trực tiếp tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, bảo đảm tính thông suốt, kịp thời trong quá trình thực thi.

Việc ban hành Quyết định số 2530/QĐ-BXD là bước cụ thể hóa Thông tư số 59/2025/TT-BXD, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm trong tình hình mới.

Nguồn: nhandan.vn

10 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI VỀ VIỆC LÀM LIÊN QUAN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 107/QĐ-BNV về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ tại Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp

Theo đó, danh mục thủ tục hành chính mới ban hành tại Nghị định số 374/2025/NĐ-CP lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ gồm 10 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

Đó là các thủ tục hành chính: Tham gia bảo hiểm thất nghiệp; Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm; Hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề; Hưởng trợ cấp thất nghiệp; Thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm; Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp; Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp; Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Trong số 10 thủ tục hành chính cấp tỉnh này, chỉ riêng thủ tục tham gia bảo hiểm thất nghiệp có đơn vị thực hiện là cơ quan bảo hiểm xã hội. Còn 9 thủ tục hành chính còn lại do Sở Nội vụ, Tổ chức dịch vụ việc làm công thực hiện.

Quyết định số 107/QĐ-BNV cũng quy định nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính về: Trình tự, cách thức thực hiện; Thành phần, số lượng hồ sơ; Thời hạn giải quyết; Đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết; Kết quả, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; Căn cứ pháp lý cùng các mẫu hồ sơ đi kèm.

Văn bản của Bộ Nội vụ cũng bãi bỏ các quyết định: Số 315/QĐ-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ; Số 990/QĐ-BNV ngày 04/9/2025 của Bộ trưởng Nội vụ về việc công bố 6 thủ tục hành chính về bảo hiểm thất nghiệp triển khai thí điểm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.

Theo đó, bãi bỏ một số thủ tục hành chính về lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của cơ quan này. Cụ thể là các thủ tục hành chính cấp tỉnh gồm: Tham gia bảo hiểm thất nghiệp; Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp; Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi); Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến); Giải quyết hỗ trợ học nghề; Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm; Thông báo về việc tìm kiếm việc làm; Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; Liên thông chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đi - Chuyển đến).

Phuong Nhung - Trung tâm Công nghệ thông tin

BỘ NỘI VỤ CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC MỚI BAN HÀNH HOẶC BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 21/01/2026, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 101/QĐ-BNV về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành hoặc bị bãi bỏ về lĩnh vực chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ. Việc công bố này nhằm tiếp tục triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình giải quyết công việc hành chính.

Cụ thể, ở cấp trung ương, Bộ Nội vụ ban hành mới hai thủ tục hành chính nội bộ, gồm: thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và thủ tục phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt. Hai thủ tục này do Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương) thực hiện.

Ở cấp tỉnh, một thủ tục hành chính nội bộ mới được ban hành là thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã (trừ phường, đặc khu loại đặc biệt). Thủ tục này do Sở Nội vụ tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

Quyết định số 101/QĐ-BNV cũng bãi bỏ 2 thủ tục hành chính nội bộ đã được công bố trước đây tại Quyết định số 319/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Hai thủ tục bị bãi bỏ gồm: thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh (mã TTHC 5.002174) và thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã (mã TTHC 5.002176). Việc bãi bỏ được thực hiện trên cơ sở Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính.

Đối với thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy trình thực hiện gồm bốn bước cơ bản: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ lập hồ sơ đề án; gửi hồ sơ về Bộ Nội vụ; Bộ Nội vụ chủ trì thẩm định, có thể tổ chức khảo sát thực tế; và Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định. Hồ sơ gồm tờ trình của UBND cấp tỉnh, đề án phân loại, bảng thống kê số liệu tiêu chí và các văn bản xác nhận số liệu, yếu tố đặc thù (nếu có).

Đối với thủ tục phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt, hồ sơ được lập từ cấp phường, đặc khu; gửi qua Sở Nội vụ để kiểm tra, hoàn thiện; sau đó trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định và quyết định. Bộ trưởng Bộ Nội vụ là người có thẩm quyền ban hành quyết định phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt. Thời hạn giải quyết cũng được quy định rõ, bảo đảm không kéo dài quá trình xử lý hồ sơ.

Ở cấp tỉnh, thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã (trừ phường, đặc khu loại đặc biệt) được thực hiện theo quy trình: Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề án; gửi Sở Nội vụ thẩm

định; Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại. Kết quả cuối cùng là quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

Tất cả các thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành theo Quyết định số 101/QĐ-BNV đều không thu phí, lệ phí; không quy định mẫu đơn, mẫu tờ khai; không đặt ra yêu cầu, điều kiện riêng. Căn cứ pháp lý chủ yếu để thực hiện các thủ tục này là Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị định số 307/2025/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính.

Phuong Nhung - Trung tâm Công nghệ thông tin

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI BAN HÀNH CHÍNH SÁCH THU HÚT,
TRỌNG DỤNG NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG TRONG CÁC
CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Ngày 27/01/2026, tại kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội, với đa số đại biểu tán thành, Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua nghị quyết về thu hút, trọng dụng người có tài năng Thành phố Hà Nội.

Quy định này quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành ủy Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố Hà Nội.

Đối tượng áp dụng: Người có tài năng được thu hút, trọng dụng theo hình thức tuyển dụng công chức, viên chức hoặc hình thức ký kết hợp đồng lao động; cán bộ, công chức, viên chức sau khi được tiến cử, công nhận có tài năng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc Thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố Hà Nội).

Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng thuộc thành phố Hà Nội.

Nghị quyết cũng bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô. Trường hợp các quy định được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

Theo tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, thực tiễn hiện nay, Thành phố Hà Nội không phải là địa phương duy nhất thực hiện cơ chế chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô, một số tỉnh, thành khác như: Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ... cũng đã và đang nghiên cứu, xây dựng chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trên cơ sở triển khai các Nghị quyết của Quốc hội. Nếu không kịp thời xây dựng, ban hành chính sách, Thành phố Hà Nội sẽ khó có cơ hội cạnh tranh, thu hút nhân tài, ảnh hưởng đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong xây dựng và phát triển Thủ đô.

Mặt khác, hiệu quả của chính sách thu hút còn đóng góp vào công tác cải thiện hình ảnh thành phố nhằm thúc đẩy đầu tư, nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Theo đánh giá kết quả việc thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, chính sách tiền lương của khu vực công hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Đồng thời, mô hình thang, bảng lương cho cán bộ, công chức, viên chức đã áp dụng hơn 20 năm nên không còn phù hợp với vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; thang, bảng lương này còn mang nặng tính bình quân, không bảo đảm được mức sống, chưa thu hút được nhân tài, chưa tạo được động lực để nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc.

Từ năm 2025, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các Nghị quyết về thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố, tuy nhiên, mức thu nhập sau khi bổ sung vẫn chưa so sánh được với mức lương ở khu vực tư nhân. Vì vậy, để thu hút, trọng dụng người có tài năng cần xem xét và xây dựng các chính sách vượt trội, phù hợp với thực tiễn nhằm khắc phục những bất cập về chính sách tiền lương, bảo đảm mức thu nhập tương xứng với sức lao động, trí tuệ và năng lực của chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

Bên cạnh đó, trước yêu cầu phát triển Thủ đô, việc thu hút, trọng dụng các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng ở các lĩnh vực: hoạch định chính sách công; khoa học công nghệ; chuyển đổi số; công nghệ AI; văn hóa và thể thao; quản lý và phát triển đô thị, hạ tầng thông minh; các lĩnh vực về an sinh xã hội... là vấn đề cần đặt ra và quan tâm hàng đầu để góp phần tạo xung lực mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố.

Từ các căn cứ trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về thu hút, trọng dụng người có tài năng Thành phố Hà Nội là hết sức cần thiết, có cơ sở, phù hợp với quy định hiện hành về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của tình hình thực tiễn xây dựng và phát triển thành phố, nhằm đạt các mục tiêu phát triển theo Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025- 2030 đã đề ra.

Theo đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố, các ngành, lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên thu hút gồm: lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quy hoạch; quản lý và phát triển đô thị, nông thôn; quản trị công và pháp luật; kinh tế, kinh tế số; phát triển năng lượng; đối ngoại, hội nhập quốc tế; y tế; giáo dục và đào tạo; bảo vệ môi trường...

Nguồn: hanoimoi.vn

SƠN LA: ĐỔI MỚI TƯ DUY PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả, tỉnh Lạng Sơn đã đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các kế hoạch cụ thể hóa và phân công nhiệm vụ cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện cải cách hành chính. Ưu tiên xây dựng 12 cơ sở dữ liệu trọng yếu và chuyên ngành để tiến tới sử dụng số hóa dữ liệu; phê duyệt dự án nâng cấp, bổ sung trang thiết bị máy chủ tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh, bảo đảm vận hành thông suốt các phần mềm dùng chung phục vụ hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của nhân dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tiếp tục phát huy hiệu quả mô hình “Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ”; ban hành quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền cho công chức trong công tác chứng thực, đã rút ngắn rõ rệt, hạn chế tình trạng quá tải vào các khung giờ cao điểm. Từ ngày 10/12/2025, tỉnh Sơn La chính thức công bố kết nối, khai thác sử dụng dữ liệu hộ tịch thay thế giấy tờ trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 3458/QĐ-BTP của Bộ Tư pháp, nổi bật là quy định cấm việc yêu cầu phiếu lý lịch tư pháp, cùng hàng loạt tiện ích mới như không còn phải xuất trình giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn, khai tử... trong các thủ tục hành chính. Đây là những thay đổi mang tính bước ngoặt, tiết kiệm thời gian và chi phí, giảm đáng kể số lần đi lại, chờ đợi, sao y giấy tờ...

Ông Lại Như Long, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, chia sẻ: Việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, không để ách tắc, không để chậm trễ cho người dân và doanh nghiệp được chỉ đạo quyết liệt, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Tỉnh đã tổ chức các đợt cao điểm, chiến dịch nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, cùng với việc ban hành các chỉ thị nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính. Công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính được triển khai thường xuyên, công khai, minh bạch.

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, ngành đã chủ động rà soát, đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa tối đa về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền. Trong năm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 182 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý trên địa bàn tỉnh; tổng số thủ tục hành chính đã công bố, công khai, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia 2.202 thủ tục hành chính; trong đó, cấp tỉnh 1.805 thủ tục hành chính, cấp xã 397 thủ tục hành chính. Các sở, ban, ngành tiếp tục công bố, công khai thủ tục hành chính khi có quyết định của bộ, ngành Trung ương đảm bảo tiến độ. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã phối hợp với Viễn thông Sơn La điều chỉnh 2.202 quy trình nội bộ để cấu hình lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; tích hợp, cung cấp 100% thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trong đó, đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia 968/1.054 thủ tục hành chính đáp ứng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Đặc biệt, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành nghị quyết miễn toàn bộ phí, lệ phí cho tất cả thủ tục hành chính thực hiện thông qua dịch vụ công trực tuyến; nhiều thủ tục được thực hiện “phi địa giới”, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tỉnh cũng mở rộng phân cấp, ủy quyền để rút ngắn thời gian giải quyết công việc, đặc biệt trong các lĩnh vực: Lao động,

tôn giáo, hộ tịch, khoa học - công nghệ... giúp tăng tính chủ động của các sở, ngành. Những yêu cầu về cắt giảm hồ sơ, giảm thành phần giấy tờ, thay thế bằng dữ liệu điện tử được quán triệt từ tỉnh đến các xã, phường. Các thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo quy định của bộ, ngành Trung ương và công bố đầy đủ, đảm bảo người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu, theo dõi dễ dàng. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã được kiện toàn đồng bộ, ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi khâu xử lý. Nhờ đó, nhiều thủ tục hành chính vốn phức tạp trước đây nay đã được rút gọn, giải quyết trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, giúp người dân tiết kiệm thời gian, chi phí.

Trước đây, theo quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cấp giấy chứng nhận với sự tham gia 5 - 6 phòng ban, hồ sơ từ huyện về xã, lại từ xã lên huyện; không ít trường hợp mất vài tháng vẫn chưa xong thủ tục. Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong tiếp nhận hồ sơ đất đai từ cá nhân, các thủ tục này đã được thực hiện ngay tại Ủy ban nhân dân xã.

Việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số cũng đạt nhiều kết quả tích cực. Đến nay, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai tại Ủy ban nhân dân tỉnh, 163 điểm cầu tại 13 sở ngành và 75 Ủy ban nhân dân các xã, phường. Hệ thống thư điện tử công vụ đã cung cấp và bảo đảm hoạt động cho trên 29.970 tài khoản của các cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng và chính quyền. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành được triển khai tại 919 cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, với hơn 12.860 tài khoản đang hoạt động; việc xử lý văn bản hoàn toàn trên môi trường mạng, bảo đảm việc gửi, nhận văn bản thông suốt từ tỉnh đến xã và các bộ, ngành Trung ương; tỷ lệ văn bản phát hành được ký số đạt 97,2%. Hệ thống thông tin phục vụ họp (eCabinet) được triển khai phục vụ 100% các cuộc họp, hội nghị do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì và các cơ quan, đơn vị, hướng đến mục tiêu họp không giấy tờ. Các xã, phường cũng đã thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ, Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi và cải cách hành chính.

Có thể khẳng định, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đi vào thực tiễn đã góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước; cán bộ cơ sở nỗ lực thích ứng, thủ tục hành chính được giải quyết nhanh gọn, người dân đánh giá hài lòng. Những chuyển động tích cực, hiệu quả từ cơ sở đã minh chứng rõ nét cho tinh thần đổi mới; chính quyền cơ sở ngày càng gần dân, chủ động và quyết liệt hơn, hướng tới phát triển bền vững.

Nguồn: baosonla.vn

ĐIỆN BIÊN: HƯỚNG DẪN HỘ KINH DOANH NỘP THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI MỚI

Thực hiện chủ trương cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, thời gian qua ngành Thuế tỉnh Điện Biên đã tích cực hướng dẫn hộ kinh doanh chuyển sang nộp thuế theo phương pháp kê khai. Đây là bước đi tất yếu trong tiến trình chuyển đổi số, góp phần bảo đảm công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh.

Theo quy định của Luật Quản lý thuế, từ năm 2026, hộ và cá nhân kinh doanh sẽ chuyển từ hình thức thuế khoán sang kê khai theo doanh thu thực tế. Việc này giúp phản ánh đúng kết quả kinh doanh, tạo thuận lợi cho hộ kinh doanh phát triển bền vững, đồng thời nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Triển khai nhiệm vụ này, Thuế tỉnh Điện Biên xác định phương châm hành động: Khẩn trương, quyết liệt, trách nhiệm, hiệu quả, không để bỏ sót hộ kinh doanh nào chưa được quản lý. Toàn ngành đã huy động cán bộ, công chức, đoàn viên thanh niên đồng loạt vào cuộc, đẩy mạnh tuyên truyền và hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở.

Theo ông Dương Duy Bảy, Phó trưởng Thuế tỉnh, để việc chuyển đổi sang phương pháp kê khai đạt hiệu quả thực chất, ngành Thuế đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Trọng tâm là tuyên truyền sâu rộng các quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với hộ và cá nhân kinh doanh; hướng dẫn cụ thể về nghĩa vụ kê khai, nộp thuế; sử dụng hóa đơn, chứng từ theo ngưỡng doanh thu thực tế. Đặc biệt, ngành Thuế ưu tiên hỗ trợ các hộ mới chuyển đổi, các hộ lần đầu thực hiện kê khai để người dân nắm vững quy trình, thao tác, từ đó yên tâm thực hiện.

Tại các Thuế cơ sở, nhiều hội nghị tuyên truyền, lớp tập huấn đã được tổ chức dành riêng cho hộ kinh doanh. Nội dung tập trung vào những vấn đề thiết thực, sát với nhu cầu thực tế như: Quy trình đăng ký thuế, đăng ký tài khoản giao dịch điện tử; cách lập sổ theo dõi doanh thu - chi phí; sử dụng hóa đơn điện tử; thao tác kê khai, nộp thuế trên môi trường điện tử qua máy tính hoặc điện thoại thông minh. Các tài liệu hướng dẫn được biên soạn theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, có minh họa cụ thể, phù hợp với trình độ của đa số người dân.

Ngoài các hội nghị tập trung, cán bộ thuế còn trực tiếp xuống địa bàn dân cư, chợ, tuyến phố kinh doanh để tuyên truyền và hỗ trợ tại chỗ. Phương châm được triển khai thống nhất là: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ; hỗ trợ tại chỗ, hướng dẫn tại chỗ, đăng ký tại chỗ, kích hoạt tại chỗ. Nhiều cán bộ đã “cầm tay chỉ việc”, giúp hộ kinh doanh cài đặt ứng dụng eTax, Mobile Tax, tạo tài khoản giao dịch điện tử, thực hành kê khai trực tiếp trên điện thoại. Đối với những hộ còn hạn chế về công nghệ thông tin, cán bộ thuế kiên trì hướng dẫn từng bước, giải thích nhiều lần, đảm bảo người dân hiểu đúng và thực hiện được. Chính sự gần gũi, tận tình này đã tạo được niềm tin, sự đồng thuận của người dân đối với chủ trương mới.

Kết quả đến nay, Thuế tỉnh Điện Biên đã hỗ trợ trực tiếp trên 11.000 lượt hộ kinh doanh tại các chợ, tuyến phố, khu dân cư và tại gia đình hộ kinh doanh. 100% hộ kinh doanh trên địa bàn đã được tuyên truyền, tiếp cận thông tin và nắm rõ chủ trương xóa bỏ thuế khoán, chuyển

sang kê khai từ ngày 01/01/2026. Gần 1.000 hộ đã chủ động áp dụng hóa đơn điện tử trong hoạt động kinh doanh.

Chia sẻ về quá trình thực hiện, chị Trần Thị Hoàn, chủ cửa hàng tạp hóa tại phường Điện Biên Phủ cho biết: “Trước đây tôi khá lo lắng vì nghĩ kê khai thuế sẽ phức tạp, khó làm. Nhưng được cán bộ thuế hướng dẫn rất cụ thể, làm vài lần là quen. Bây giờ mỗi tháng kê khai trên điện thoại chỉ mất vài phút, lại yên tâm vì nộp đúng theo doanh thu thực tế, không còn băn khoăn như trước”.

Thực tế cho thấy, khi được hướng dẫn đầy đủ, đa số hộ kinh doanh đều đồng tình, ủng hộ phương pháp kê khai vì thấy rõ lợi ích lâu dài. Việc kê khai minh bạch giúp người kinh doanh chủ động hơn trong việc theo dõi hoạt động kinh doanh, quản lý thu - chi, từng bước hình thành thói quen kinh doanh bài bản, chuyên nghiệp.

Việc hướng dẫn hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai mới không chỉ đơn thuần là thay đổi phương thức thu thuế, mà còn là bước đi quan trọng trong lộ trình xây dựng nền quản lý thuế hiện đại, lấy công nghệ làm nền tảng, lấy sự hài lòng của người nộp thuế làm thước đo. Đây cũng là minh chứng sinh động cho tinh thần cải cách hành chính, phục vụ nhân dân của cơ quan Nhà nước.

Với quyết tâm cao của ngành Thuế tỉnh Điện Biên, cùng sự đồng thuận ngày càng rõ nét từ cộng đồng hộ kinh doanh, tin rằng việc triển khai phương pháp kê khai sẽ sớm đi vào nền nếp, góp phần tăng cường kỷ cương pháp luật về thuế, hạn chế thất thu ngân sách, đồng thời tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch. Đây là nền tảng quan trọng để kinh tế địa phương phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Nguồn: baodienbienphu.vn

LÀO CAI: TỪ CAM KẾT PHỤC VỤ CỦA CHÍNH QUYỀN

Quyết liệt đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công, xã Bảo Ái đã vươn lên vị trí thứ 3/99 xã, phường của tỉnh Lào Cai về cải cách hành chính với nhiều giải pháp đồng bộ, cách làm linh hoạt, sáng tạo, từng bước chuyển mạnh từ “quản lý hành chính” sang “phục vụ Nhân dân”, xây dựng nền hành chính gần dân, vì dân từ cam kết phục vụ của chính quyền.

Lấy người dân làm trung tâm phục vụ

Ông Vũ Quang Ứng - Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bảo Ái cho biết: “Đội ngũ cán bộ của Trung tâm hiện có 10 người. Trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng lớn và yêu cầu của người dân ngày càng cao, nhiệm vụ cấp thiết được xã đặt ra là cải cách hành chính phải là khâu đột phá, là cam kết chính trị mạnh mẽ xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch, hiện đại, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm mục tiêu phục vụ cao nhất”.

Xã bắt đầu từ việc đơn giản hóa, minh bạch hóa quy trình thủ tục. Trên cơ sở đó, các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã được Trung tâm rà soát, đơn giản hóa và chuẩn hóa quy trình, bảo đảm công khai, minh bạch về hồ sơ, thời gian và phí, lệ phí giải quyết. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ, từng bước khai thác hiệu quả dữ liệu dùng chung nhằm giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí đi lại cho người dân.

Trung tâm đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua xây dựng tác phong làm việc trách nhiệm, thân thiện, kỹ năng giao tiếp, văn hóa giao tiếp và tăng ý thức phục vụ, hỗ trợ người dân hoàn thành đúng và đủ thay vì kiểm tra hồ sơ như trước đây, trên tinh thần “làm hết việc, không làm hết giờ”; lấy hiệu quả công việc làm thước đo đánh giá đối với từng cán bộ, công chức.

Cùng với đó, Trung tâm tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chủ động phối hợp với các tổ chức hội, đoàn thể, các nhà trường, tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các thôn huy động lực lượng đoàn viên, thanh niên - những người trẻ, thạo công nghệ tham gia hỗ trợ các thành viên trong gia đình, hội viên các hội, đoàn thể và người dân tại các thôn, tổ dân phố thực hiện giải quyết các hồ sơ cơ bản liên quan đến dân cư, hộ tịch, đất đai, kê khai thuế... tại nhà qua cổng dịch vụ công. Đặc biệt là thực hiện đa dạng hóa hình thức tiếp nhận và trả kết quả, tăng cường lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân.

Thực tế cho thấy, việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên đã tạo chuyển biến tích cực trong công tác giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. Được biết, trung bình trong một ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bảo Ái đón tiếp 45 lượt người dân đến giao dịch.

Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bảo Ái - ông Vũ Quang Ứng khẳng định: “Kết quả giải quyết hồ sơ đạt tỷ lệ rất cao, chiếm 99,3% với 3.638 hồ sơ đã được giải quyết; chỉ còn 24 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết, đều thuộc lĩnh vực đất đai. Đặc biệt, không có hồ sơ trễ hạn - điều này cho thấy tinh thần trách nhiệm, kỷ luật hành chính và sự tận tâm phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức tại Trung tâm nói riêng và sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chung trong việc thực hiện cam kết “lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm mục tiêu phục vụ cao nhất”.

Giữ vững cam kết phục vụ Nhân dân

Những nỗ lực trong cải cách hành chính của xã Bảo Ái đã được ghi nhận bằng kết quả xếp hạng ấn tượng. Khép lại năm 2025, xã Bảo Ái vươn lên xếp thứ 3/99 xã, phường toàn tỉnh về thực hiện Bộ chỉ số thủ tục hành chính, với tổng điểm là 95,9. Trong đó, nhiều chỉ số đạt điểm tuyệt đối như công khai, minh bạch và mức độ hài lòng của người dân. Các chỉ số về tiến độ giải quyết, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và số hóa hồ sơ đều đạt kết quả cao, phản ánh sự chuyển biến toàn diện trong chất lượng phục vụ. Những nỗ lực này đã góp phần không nhỏ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cơ sở.

Theo lãnh đạo địa phương, kết quả đạt được chưa phải là đích đến, mà là động lực để nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân một cách hiệu quả hơn. Năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đặt mục tiêu 100% thủ tục hành chính được giải quyết đúng và trước hạn, 70 - 80% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Rõ ràng cải cách hành chính ở xã Bảo Ái không còn là câu chuyện của những con số đơn thuần, mà là quá trình chuyển biến từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ, từ mệnh lệnh hành chính sang trách nhiệm công vụ. Với quyết tâm chính trị cao, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống và sự giám sát của Nhân dân, Bảo Ái đang nỗ lực xây dựng hình ảnh đẹp về một chính quyền gần dân, vì dân và tận tâm phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Nguồn: baolaocai.vn

PHÚ THỌ: TINH GỌN BỘ MÁY ĐỂ MẠNH HƠN, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

Sau khi bộ máy đã được sắp xếp lại và vận hành theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cải cách bước sang giai đoạn khó hơn. Không còn là câu chuyện giảm bao nhiêu đầu mối, hợp nhất những cơ quan nào, mà là câu hỏi rất cụ thể: Ai sẽ làm việc trong một bộ máy gọn hơn nhưng áp lực lớn hơn và làm việc bằng cách nào để không bị quá tải?

Thực tế cho thấy, tinh gọn tổ chức càng đi vào chiều sâu thì bài toán con người càng hiện rõ. Trong khi thẩm quyền được phân cấp mạnh xuống cơ sở, khối lượng công việc không giảm, thì lộ trình tinh giản biên chế vẫn tiếp tục đặt ra những yêu cầu khắt khe. Sau hợp nhất, Phú Thọ tiếp tục tinh giản thêm 1.053 biên chế đến năm 2026 - một con số đủ để thấy tinh gọn không chỉ là sắp xếp lại bộ máy, mà là sàng lọc, giữ lại và sử dụng đúng người để bộ máy thực sự mạnh lên từ bên trong.

Tinh giản biên chế - khâu khó nhất của cải cách

Tinh gọn bộ máy chỉ thực sự chạm đến chiều sâu khi đi vào tinh giản biên chế - khâu khó nhất, nhạy cảm nhất và cũng quyết định chất lượng vận hành của bộ máy sau sắp xếp. Với Phú Thọ, yêu cầu này càng trở nên thách thức trong bối cảnh hợp nhất 3 tỉnh, thẩm quyền được phân cấp mạnh xuống cơ sở, trong khi khối lượng công việc không hề giảm.

Các con số cho thấy rõ mức độ “khó” của bài toán này. Giai đoạn 2022 - 2026, Phú Thọ (cũ) đã tinh giản 3.282/3.574 biên chế, đạt 91,83% kế hoạch; Hòa Bình (cũ) đạt 2.355/2.433 biên chế (96,79%); Vĩnh Phúc (cũ) đạt 1.767/2.450 biên chế (72,2%). Sau hợp nhất, tỉnh thực hiện tinh giản thêm 1.053 biên chế đến năm 2026. Điều đó đồng nghĩa, tinh giản không phải là câu chuyện đã khép lại, mà là áp lực trực tiếp lên đội ngũ đang vận hành bộ máy.

Trong bối cảnh ấy, quan điểm của tỉnh được xác định rất rõ: Tinh giản không phải là phép trừ cơ học. Đồng chí Trần Văn Hòa - Phó Giám đốc Sở Nội vụ nhấn mạnh: Tinh giản biên chế phải gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm và khối lượng

công việc thực tế; không tinh giản cho đủ chỉ tiêu, càng không thể cào bằng giữa các lĩnh vực. Nếu giảm người mà không tổ chức lại công việc thì bộ máy sẽ khó vận hành hiệu quả.

Đó cũng là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình triển khai tại Phú Thọ. Việc giảm biên chế không áp theo tỷ lệ đồng đều, mà căn cứ vào vị trí việc làm cụ thể, tính chất công việc và yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Những lĩnh vực có áp lực lớn, đòi hỏi chuyên môn sâu như đất đai, đầu tư xây dựng, cải cách hành chính, chuyển đổi số... được rà soát rất thận trọng để tránh tình trạng “gọn về số lượng nhưng hụt về năng lực”.

Để việc tinh giản đi vào thực chất, khâu đánh giá cán bộ được coi là điểm then chốt cần đổi mới. Việc đánh giá từng bước gắn với sản phẩm công việc cụ thể, tiến độ xử lý hồ sơ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo chức trách được giao. Cùng với đó, các hệ thống quản lý công việc, quản lý văn bản và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số được sử dụng như công cụ theo dõi, “đo đếm” hiệu quả làm việc, tạo căn cứ khách quan hơn cho việc bố trí, sắp xếp và tinh giản.

Thực tiễn vận hành cho thấy, tinh giản biên chế chỉ có ý nghĩa khi đi kèm tổ chức lại cách làm. Giảm người nhưng quy trình không thay đổi sẽ dẫn đến quá tải; giảm người nhưng giao việc rõ ràng, chuẩn hóa quy trình, phân định trách nhiệm cụ thể mới giúp bộ máy gọn hơn mà không yếu đi. Đây cũng chính là ranh giới giữa tinh giản mang tính hình thức và tinh giản tạo ra sức mạnh thực chất cho bộ máy sau sắp xếp.

Giữ người, chọn người - phép thử năng lực quản trị

Tinh giản biên chế chỉ là một nửa của câu chuyện. Nửa còn lại - và cũng là phần khó hơn - nằm ở việc giữ được người có năng lực, bố trí đúng người vào đúng việc trong một bộ máy đã được thu gọn. Nếu tinh giản mà không giải được bài toán này, bộ máy có thể gọn hơn về số lượng, nhưng rất dễ hụt hơi trong vận hành.

Thực tế sau hợp nhất cho thấy, áp lực nhân sự dồn mạnh về cấp cơ sở - nơi thẩm quyền được phân cấp sâu và khối lượng công việc tăng nhanh. Toàn tỉnh hiện có 20.423 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó 11.932 người làm việc ở cấp xã, chiếm gần 60% tổng lực lượng. Trong khi đó, theo rà soát của ngành Nội vụ, nhu cầu bổ sung nhân lực cho cấp xã để vận hành ổn định mô hình mới lên tới trên 600 người, chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực chuyên môn sâu như đất đai, tài chính - kế toán, công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Để “vá” khoảng trống nhân sự trong giai đoạn chuyển tiếp, tỉnh đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Đến nay, đã có 102 cán bộ, công chức cấp tỉnh được điều động về cấp xã; khoảng 150 trường hợp được biệt phái trong thời gian từ 3 - 6 tháng; gần 100 công chức được luân chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu. Đây là những con số cho thấy tinh gọn không đồng nghĩa với buông lỏng, mà là sự điều chỉnh linh hoạt để bộ máy không bị “rỗng việc” ở tuyến đầu.

Song song với tăng cường nhân lực, các chính sách ổn định đội ngũ cũng được triển khai kịp thời. Theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, cán bộ từ Vĩnh Phúc (cũ) được hỗ trợ đi lại 800.000 đồng/người/tháng, từ Hòa Bình (cũ) 1.600.000 đồng/người/tháng; hỗ trợ lưu trú 2,4 triệu đồng/người/tháng, áp dụng đến ngày 30/6/2026. Với 5.448 người đã nghỉ việc theo chính sách, tổng kinh phí chi trả lên tới 5.535 tỷ đồng và 100% trường hợp được giải quyết

chế độ kịp thời. Những con số này cho thấy tỉnh không chỉ tinh giản, mà còn chủ động xử lý bài toán con người một cách có trách nhiệm, hạn chế xáo trộn lớn trong đội ngũ.

Tuy nhiên, chính sách chỉ là điều kiện cần. Yếu tố quyết định nằm ở vai trò của người đứng đầu trong bố trí, sử dụng cán bộ sau sắp xếp. Khi bộ máy đã gọn, mỗi vị trí việc làm đều trở nên “đắt giá” hơn. Người đứng đầu không còn nhiều dư địa để bố trí dàn trải, mà phải dám chọn, dám giao việc và dám chịu trách nhiệm về hiệu quả công việc của đội ngũ mình quản lý. Thực tiễn cho thấy, nơi nào người đứng đầu quyết liệt, rõ việc, rõ trách nhiệm, nơi đó bộ máy sau tinh gọn sớm ổn định và vận hành hiệu quả hơn. Khi tinh gọn đi kèm với sử dụng đúng người, đúng việc và giữ được đội ngũ đủ năng lực, bộ máy không những không yếu đi, mà còn có cơ hội mạnh lên từ bên trong - đúng với mục tiêu mà cải cách đang hướng tới.

Tinh gọn bộ máy không phải là đích đến, mà là điểm khởi đầu cho một yêu cầu cao hơn về năng lực vận hành. Khi tổ chức được sắp xếp lại hợp lý, con người được đánh giá đúng và bố trí đúng, bộ máy hành chính mới có thể đáp ứng được những nhiệm vụ ngày càng lớn trong giai đoạn phát triển mới. Từ thực tiễn tỉnh Phú Thọ cho thấy, tinh gọn chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn với trách nhiệm, kỷ cương và hiệu quả công việc. Đó cũng chính là con đường để bộ máy hành chính không chỉ gọn hơn về hình thức, mà mạnh hơn từ bên trong.

Nguồn: baophutho.vn

THÁI NGUYÊN: CÔNG NHẬN 9 SÁNG KIẾN VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên vừa ban hành quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của 9 sáng kiến thuộc lĩnh vực cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

Các đề tài được công nhận, gồm: Triển khai cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trong thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Đợt cao điểm 45 ngày, đêm thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp tổ chức, sắp xếp các quỹ tài chính thuộc tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp sắp xếp các tổ chức hội của tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp nâng cao hiệu quả việc xây dựng, ban hành và quản lý chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên môi trường điện tử; Xây dựng phần mềm cài đặt trên điện thoại di động “Theo dõi, thông báo tình hình giao thông”; Phần mềm dữ liệu thông tin và phương tiện cơ giới; Xây dựng bản đồ số tỉnh Thái Nguyên phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp dịch vụ công tại 92 xã, phường.

Các đề tài trên đều xuất phát từ thực tiễn trong giải quyết các công việc của cơ quan chính quyền với người dân và doanh nghiệp, được lãnh đạo, cán bộ chuyên môn của các sở, ban,

ngành nghiên cứu, đề xuất nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Với phương châm “lấy người dân làm trung tâm phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”, thời gian qua, công tác cải cách hành chính của tỉnh Thái Nguyên luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và đạt được những kết quả quan trọng, được đánh giá top đầu trong toàn quốc.

Năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo xác định xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính... để phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày một tốt hơn.

Nguồn: baothainguyen.vn

BẮC NINH: ĐẶT CHỈ TIÊU TIẾT KIỆM, TIẾP TỤC TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ ĐÀU MỐI TRUNG GIAN

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về Chương trình Tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026. Trong đó, tỉnh Bắc Ninh đặt ra một số chỉ tiêu cụ thể về tiết kiệm, chống lãng phí ở một số lĩnh vực trọng tâm.

Về quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách Nhà nước, tỉnh Bắc Ninh yêu cầu thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách Nhà nước, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách Nhà nước, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh thất thoát, lãng phí.

Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để ưu tiên tăng chi đầu tư phát triển.

Tỉnh Bắc Ninh tiếp tục cắt giảm các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhưng kém hiệu quả. Không đề xuất mới chương trình, dự án, đề án có nội dung trùng lặp, thiếu tính khả thi, không thực sự cần thiết và chưa bố trí được nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện.

Địa phương này cũng quyết tâm tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện giảm dần chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tỉnh Bắc Ninh sẽ khẩn trương giao vốn và khởi công các công trình đầu tư công sớm ngay từ đầu năm 2026 để tạo động lực cho tăng trưởng.

Cùng với đó đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên trong năm, phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao gắn với bảo đảm chất lượng công trình, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

Bên cạnh đó, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục rà soát, điều chuyển vốn đã bố trí cho các dự án chậm triển khai sang các dự án có khả năng giải ngân cao theo quy định hiện hành; đề xuất giải pháp giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn thấp, gây thất thoát, lãng phí tiền, tài sản Nhà nước.

Trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng mục tiêu, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức, nội dung hỗ trợ đầu tư và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương của chương trình, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

Trong quản lý, sử dụng tài sản công, tỉnh đặt mục tiêu rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là đối với các cơ sở nhà, đất bảo đảm sử dụng đúng mục đích, quy hoạch, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2026. Đặc biệt, cơ quan chức năng kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công.

Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi các diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và lấn chiếm đất trái quy định. Những chủ đầu tư cố tình chậm triển khai sẽ bị xem xét thu hồi để ngăn ngừa lãng phí tài nguyên và đảm bảo việc sử dụng đất đai hiệu quả, đúng mục đích. Ngoài ra, tỉnh đề ra nhiều chỉ tiêu về tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động.

Theo đó, tỉnh Bắc Ninh tập trung vào việc kiện toàn bộ máy, sắp xếp lại biên chế tinh gọn, phân định lại chức năng nhiệm vụ, đảm bảo thực hiện đúng quy định về chế độ, chính sách tiền lương, thời gian làm việc, đồng thời tinh giản biên chế, giảm đầu mối trung gian để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi ngân sách.

Tỉnh định hướng xây dựng đề án vị trí việc làm công chức, viên chức theo đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã mới gắn với việc thực hiện đánh giá cán bộ theo tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Một trong những giải pháp trọng tâm để đạt được những mục tiêu trên là kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về tiết kiệm, chống lãng phí.

Cụ thể, tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo tăng cường kiểm tra, thanh tra các lĩnh vực trọng điểm (đầu tư công, quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản...) và xử lý nghiêm khi phát hiện vi phạm. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại các đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc. Đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra đột xuất, kiểm tra, kiểm toán, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý triệt để.

Tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra lãng phí; tổ chức thực hiện các kết luận, kiến nghị của thanh tra, kiểm toán; quyết liệt thu hồi

tôi đa cho Nhà nước tiền, tài sản vi phạm, bị chiếm đoạt, sử dụng sai quy định, lãng phí phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Nguồn: vov.vn

GIA LAI: CHẤN CHỈNH, KHẮC PHỤC TỒN TẠI VỀ HỒ SƠ ĐẤT ĐAI

Mặc dù ngành chức năng đã có nhiều nỗ lực, nhưng tình trạng hồ sơ trong lĩnh vực đất đai bị tồn đọng, giải quyết quá hạn vẫn còn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Văn phòng Đăng ký đất đai cùng các sở, ngành liên quan đã thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, tồn tại, đồng thời đề ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp

Theo Văn phòng Đăng ký đất đai (Sở Nông nghiệp và Môi trường), việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp khiến khối lượng công việc trong lĩnh vực đất đai tăng cao, trong khi yêu cầu về tiến độ, chất lượng giải quyết hồ sơ ngày càng khắt khe.

Từ ngày 01/7/2025 đến hết tháng 12/2025, toàn tỉnh tiếp nhận hơn 174.470 hồ sơ đất đai; trong đó, 120.060 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến và hơn 54.410 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp.

Tổng số hồ sơ đã giải quyết hơn 152.460 hồ sơ, trong đó, gần 143.610 hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn (đạt hơn 94%) và hơn 8.850 hồ sơ trễ hạn; hiện toàn tỉnh đang tiếp tục xử lý hơn 22.010 hồ sơ. Những con số này cho thấy nỗ lực rất lớn của đơn vị Đăng ký đất đai, nhưng thực tế vẫn còn phát sinh hồ sơ tồn đọng, quá hạn.

Ông Đặng Hữu Bình - Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai - cho rằng: “Tình trạng hồ sơ trễ hạn không chỉ gây áp lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp giải quyết mà còn ảnh hưởng đến chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, cũng như mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đây là vấn đề cần được nhìn nhận nghiêm túc, đánh giá đúng thực chất để có giải pháp khắc phục căn cơ, lâu dài”.

Ông Lê Công Bình - Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai (Sở Nông nghiệp và Môi trường) phân tích: Phần lớn hồ sơ trễ hạn xuất phát từ yếu tố khách quan; nhiều hồ sơ đất đai có lịch sử sử dụng kéo dài; hồ sơ địa chính cũ chưa đồng bộ, phải kiểm tra, xác minh nhiều lần.

Hệ thống bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh chủ yếu được số hóa từ bản đồ cũ, còn sai lệch so với thực tế. Việc cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính ở một số địa phương chưa đầy đủ; thậm chí có xã, phường chưa được đo đạc địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai hoàn chỉnh.

Còn theo ông Cao Thanh Thương - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ngoài nguyên nhân khách quan, vẫn còn những yếu tố chủ quan. Cụ thể, một số hồ sơ phải chờ ý kiến xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các cơ quan liên quan, nhưng việc phối hợp

chưa kịp thời, làm kéo dài thời gian giải quyết. Ngoài ra, vẫn còn trường hợp viên chức chưa cập nhật kịp thời trạng thái hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử, dẫn đến bị ghi nhận quá hạn.

Trước thực trạng đó, Văn phòng Đăng ký đất đai đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp chấn chỉnh. Trọng tâm là rà soát toàn bộ hồ sơ trễ hạn, phân loại theo từng nhóm nguyên nhân, xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân để tập trung xử lý dứt điểm.

Đồng thời, tăng cường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thuế và các đơn vị liên quan nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh từ cơ sở. Thường xuyên nhắc nhở, phê bình và xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, chậm trễ.

“Thời gian tới, Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tiến độ giải quyết hồ sơ trên toàn hệ thống; phấn đấu duy trì tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn trên 98%. Bên cạnh đó, tăng cường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành để tháo gỡ khó khăn ngay từ đầu, hạn chế phát sinh hồ sơ tồn đọng mới. Triển khai đồng bộ nhiệm vụ làm sạch, chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên dữ liệu địa chính, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống” - ông Đặng Hữu Bình nhấn mạnh.

Nguồn: baogialai.com.vn

LÂM ĐỒNG: CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HƯỚNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Thực hiện cải cách thủ tục hành chính sau sáp nhập, các xã ở Lâm Đồng đẩy mạnh chuyển đổi số, đơn giản hóa quy trình, nâng cao trách nhiệm công vụ, hướng tới sự hài lòng của người dân.

Trận lũ lịch sử ngày 19/11/2025 vừa qua, gia đình bà Phạm Thị Thu ở Cây số 2, thôn Lạc Thiện, xã D’ran bị nước lũ cuốn trôi toàn bộ nhà cửa, giấy tờ. Bà Lê cho biết: “Trận lụt vừa rồi, gia đình tôi bị mất hết giấy tờ. Sau khi trình báo với chính quyền xã, tới ngày hôm nay, tôi rất mừng là tất cả giấy tờ tùy thân, sổ đỏ nhà, đất sản xuất đều đã làm xong”.

Theo bà Phan Thị Hoài Thanh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã D’ran, sau trận lũ lụt lớn, nhiều hộ dân bị mất nhà cửa, giấy tờ, nhất là hồ sơ đất đai. Xã đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục cần thiết.

Còn tại xã Hòa Bắc, xác định sự hài lòng của người dân là thước đo quan trọng trong cải cách hành chính, địa phương đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều biện pháp trong cải cách quy trình, đẩy mạnh chuyển đổi số tại địa phương.

Theo ông K’Tứ ở thôn La Ôn, xã Hòa Bắc, việc giải quyết cải cách hành chính tại địa phương hết sức thuận lợi đối với người dân, đặc biệt là người dân các thôn có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, bộ phận một cửa đã hỗ trợ bà con rất nhiều trong sử dụng các tiện ích từ điện thoại thông minh đến ứng dụng VNeID. Ông K’Tứ chia sẻ: “Điều này giúp người dân hiểu biết hơn và giải quyết nhanh các TTHC về đất đai, hôn nhân...”.

Ông Vũ Hồng Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa Bắc cho biết, sau khi sáp nhập, xã Hòa Bắc gặp rất nhiều khó khăn ban đầu. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, xã đã tập trung rà soát, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức. Xã quan tâm mua sắm các trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

“Nhằm giải quyết cải cách hành chính hiệu quả, giảm các bước trung gian và số lần đi lại của người dân, xã đã linh hoạt hỗ trợ xử lý hồ sơ cho người dân một cách phù hợp nhất. Qua đó, cơ bản đáp ứng các tiêu chí cải cách hành chính, xếp hạng ở mức khá trong tỉnh”, ông Vũ Hồng Long cho biết thêm.

Hiện nay, một trong những giải pháp then chốt là đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển dịch vụ công trực tuyến. Các xã đã quan tâm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, khuyến khích người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, ứng dụng VNeID để thực hiện cải cách hành chính. Theo ông Trần Hữu Tuấn, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, các cấp, chính quyền đã khắc phục khó khăn, không để gián đoạn việc giải quyết cải cách hành chính của người dân và doanh nghiệp.

Các địa phương quyết liệt cải cách quy trình, đơn giản hóa cải cách hành chính theo nguyên tắc “5 dễ”, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và thực hiện nghiêm “5 không hện”. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được củng cố, nhất là trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, bảo đảm minh bạch, thuận tiện cho người dân theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp không chỉ góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân mà còn tạo nền tảng quan trọng để xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Năm 2025, tỉnh đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 82%, khai thác dữ liệu số hóa đạt 86%. Hơn 663.000 hồ sơ được giải quyết tại các cấp, với 99% đúng và trước hạn. Các phản ánh, kiến nghị về cải cách hành chính được tiếp nhận, xử lý và công khai đúng hạn.

Nguồn: baolamdong.vn

CẦN THƠ: TĂNG TỐC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính, y tế, giáo dục và quản lý nhà nước, Thành phố Cần Thơ đang tăng tốc cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số theo hướng đồng bộ, thực chất, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Thời gian qua, phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ việc ứng dụng tài khoản định danh điện tử quốc gia (VNeID) trong công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế, xã hội. Các thông tin được tích hợp trên ứng dụng VNeID có giá trị pháp lý khi thực hiện thủ tục hành chính và giao dịch điện tử, góp phần đơn giản hóa

quy trình, giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Ông Nguyễn Thanh Tùng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho biết, việc khai thác, sử dụng VNeID đã nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, đồng thời thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số. Trong lĩnh vực y tế và đời sống xã hội, phường đã triển khai cập nhật sổ sức khỏe điện tử, thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe; đẩy mạnh sử dụng căn cước công dân và VNeID trong khám, chữa bệnh cũng như thanh toán không dùng tiền mặt.

“Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng VNID, phát huy vai trò của Tổ công nghệ số, cộng đồng, lực lượng công an, Đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ cài đặt, kích hoạt và sử dụng. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước ở cơ sở. Mở rộng các cái tiện ích VNID gắn với nhu cầu thực tiễn của người dân, nhất là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, an sinh xã hội, thanh toán điện tử và dịch vụ công trực tuyến”, ông Nguyễn Thanh Tùng nói.

Các cơ sở khám, chữa bệnh tại Cần Thơ đã triển khai đồng bộ việc sử dụng căn cước công dân trong khám, chữa bệnh. Một số bệnh viện đã đưa vào vận hành khám, chữa bệnh thông minh, giúp người dân tự đăng ký nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Ông Hoàng Quốc Cường, Giám đốc Sở Y tế Thành phố Cần Thơ cho biết, ngành y tế đã triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử tại 103 xã, phường trên địa bàn; thực hiện liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh, đồng thời từng bước tích hợp thông tin sức khỏe người dân lên ứng dụng VNeID. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử hiện mới đạt khoảng 30% so với số hồ sơ đã được tạo lập. Để khắc phục, ngành Y tế yêu cầu 100% cán bộ, nhân viên y tế hoàn thành định danh điện tử mức độ 2 và tích hợp thẻ bảo hiểm y tế vào VNeID; đồng thời bố trí lực lượng hỗ trợ người dân tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng VNeID cũng được tăng cường tại các khu dân cư.

“Tại Thành phố Cần Thơ, chúng tôi đã triển khai được tất cả các cơ sở khác chữa bệnh đều triển khai được bệnh án điện tử. Do đó, trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục làm việc với tất cả công ty phần mềm đã triển khai bản án điện tử cho các cơ sở y tế, để chiết xuất dữ liệu tự động từ cổng bệnh án điện tử lên trên cổng dữ liệu chung của ngành, từ đó sẽ tổng hợp được dữ liệu chung của các tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh và người dân đến khám tại cơ sở bệnh đã đẩy dữ liệu trực tiếp lên trên cổng VNID chung của Thành phố Cần Thơ”, ông Hoàng Quốc Cường cho hay.

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, ngành Giáo dục Thành phố Cần Thơ xác định, đổi mới quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch, lấy dữ liệu làm trung tâm là yêu cầu cấp thiết, trong đó, học bạ số được xác định là hạt nhân dữ liệu của toàn ngành.

Theo ông Danh Hoàng Nguyên, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Cần Thơ, hiện toàn thành phố có 1.214 cơ sở giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông, với hơn 39.000 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

Việc quản lý hồ sơ giấy đã bộc lộ nhiều hạn chế, không còn phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại, thiếu tính kịp thời và khó chia sẻ dữ liệu phục vụ người dân. Vì vậy, học bạ số không chỉ đơn thuần là sự thay thế học bạ giấy, mà còn góp phần hình thành hồ sơ học tập số của công dân, kết nối trong hệ sinh thái chuyển đổi số của thành phố.

Từ năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ đã triển khai học bạ số đồng bộ tại toàn bộ các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Việc triển khai học bạ số giúp ngành chuyển mạnh từ quản lý hồ sơ sang quản lý bằng dữ liệu, giảm áp lực sổ sách cho giáo viên, đồng thời nâng cao năng lực thống kê, dự báo và hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn gặp không ít khó khăn do hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, năng lực số của đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa đồng đều. Ông Nguyễn khẳng định, học bạ số không chỉ là kết quả của quá trình chuyển đổi số, mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện ngành Giáo dục Thành phố Cần Thơ, góp phần hiện đại hóa công tác quản trị, nâng cao chất lượng dạy học và tăng cường kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

“Triển khai học bạ số cần được đặt trong hệ sinh thái chuyển đổi số của ngành, số hóa sổ gốc, văn bằng, chứng chỉ triển khai thư viện số hoặc ba số tập huấn ứng dụng AI vào dạy học, vận hành trung tâm điều hành giáo dục thông minh kết nối dữ liệu với thành phố và tập huấn thí điểm học bạ số trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tăng cường phối hợp huy động các nguồn lực theo hướng hợp tác với Viettel, VNPT trong giai đoạn 2025 - 2030 nhằm bảo đảm nền tảng kỹ thuật an toàn và tính mở rộng”.

Thành phố Cần Thơ xác định tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ.

Ông Nguyễn Văn Khởi, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cần Thơ cho biết, thành phố sẽ tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế, xã hội. Thành phố cũng tập trung xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng và Trung tâm điều hành thông minh, xác định đây là hạ tầng cốt lõi của chính quyền số.

Cùng với đó, thành phố chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức; triển khai sâu rộng phong trào “bình dân học vụ số”, từng bước hình thành công dân số từ cơ sở. Ông Nguyễn Văn Khởi nhấn mạnh, thước đo cuối cùng của cải cách hành chính và chuyển đổi số vẫn là sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; đây cũng là mục tiêu xuyên suốt trong chiến lược phát triển bền vững của thành phố giai đoạn mới.

“Xác định năm 2026 là năm tăng tốc bứt phá hiệu quả trong công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo

công khai, minh bạch. Vấn đề này là phải quyết tâm, có doanh nghiệp, có người dân phát triển thì thành phố phát triển”, ông Nguyễn Văn Khởi chia sẻ.

Với mục tiêu đã đặt ra, Thành phố Cần Thơ đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số. Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số không chỉ giúp rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và người dân, mà còn tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội. Khi công nghệ thực sự đi vào đời sống, sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo, Cần Thơ đang tạo nền tảng vững chắc để bứt phá trong thời gian tới.

Nguồn: vov.vn

ĐỒNG NAI: 5 SỞ ĐƯỢC XẾP LOẠI XUẤT SẮC VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 347/QĐ-UBND về việc công bố Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã năm 2025.

Theo quyết định, kết quả chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành năm 2025 có 5 đơn vị được xếp loại xuất sắc (từ 90 điểm trở lên) gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Y tế. 10 đơn vị còn lại xếp loại tốt.

Đối với các xã, phường, có 13 địa phương xếp loại xuất sắc gồm: Ủy ban nhân dân phường Bình Phước, Ủy ban nhân dân xã Long Hà, Ủy ban nhân dân xã Thiện Hưng, Ủy ban nhân dân xã Dầu Giây, Ủy ban nhân dân phường Đồng Xoài, Ủy ban nhân dân xã Đại Phước, Ủy ban nhân dân xã Tân An, Ủy ban nhân dân xã Phước An, Ủy ban nhân dân xã Đa Kia, Ủy ban nhân dân phường Trảng Bền, Ủy ban nhân dân xã Trại An, Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom, Ủy ban nhân dân phường Phước Bình. Có 60 xã, phường xếp loại tốt; 21 xã, phường xếp loại khá và 1 xã xếp loại trung bình.

Cũng tại quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính 2025 để triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong năm 2026 và các năm tiếp theo. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép trong báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính định kỳ quý, 6 tháng, năm của tỉnh theo quy định.

Nguồn: baodongnai.com.vn

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH PHÚC LỢI XÃ HỘI THEO HƯỚNG ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu xây dựng hệ thống phúc lợi xã hội hiện đại, bao trùm trở nên cấp thiết. Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” đã xác lập định hướng chiến lược cho việc chuyển đổi mô hình phúc lợi xã hội ở Việt Nam. Đây là bước chuyển về tư duy phát triển, đặt con người làm trung tâm, bảo đảm quyền thụ hưởng phúc lợi của mọi người dân trong suốt hành trình cuộc sống.

Quan điểm mới về phúc lợi xã hội

Phúc lợi xã hội toàn dân là khái niệm lần đầu tiên được đề cập trong Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” (sau đây gọi là Nghị quyết số 42).

Về đối tượng thụ hưởng, phúc lợi xã hội toàn dân nhấn mạnh đối tượng thụ hưởng bao gồm toàn bộ người dân chứ không chỉ tập trung vào nhóm yếu thế (ở đây được hiểu là không phân biệt nhóm đối tượng), không phân biệt độ tuổi, giới tính, giàu nghèo, vùng miền... Xét về mặt chính trị, thực hiện phúc lợi xã hội toàn dân sẽ tạo đồng thuận xã hội cao hơn, tránh nguy cơ phân hóa hoặc chênh lệch giữa các nhóm đối tượng. Xét về tính công bằng, phúc lợi xã hội toàn dân bảo đảm công bằng theo chiều ngang, độ bao phủ rộng. Như vậy, *phúc lợi xã hội toàn dân là hệ thống các chính sách, chương trình nhằm bảo đảm các nhu cầu cơ bản hỗ trợ phát triển con người và thực hiện công bằng xã hội cho mọi người dân, không phân biệt nhóm đối tượng.*

Việc thực hiện phúc lợi xã hội toàn dân thể hiện sự thay đổi tư duy, cách tiếp cận ở những nội dung sau:

Thứ nhất, chuyển từ tư duy “bao cấp chọn lọc” sang tư duy “bao phủ toàn dân”. Nếu như trước đây, nhóm đối tượng thụ hưởng phúc lợi xã hội được xác định chủ yếu gồm người yếu thế, người gặp hoàn cảnh khó khăn, người có công... thì theo Nghị quyết số 42, phúc lợi xã hội được mở rộng toàn dân. Việc xác lập mục tiêu phúc lợi xã hội toàn dân không chỉ là một sự điều chỉnh kỹ thuật trong hoạch định chính sách, mà trước hết là bước chuyển mang tính đột phá về tư duy quản lý và phát triển xã hội từ bị động sang chủ động. Trước đây, phúc lợi xã hội chủ yếu được thiết kế theo hướng “bao cấp chọn lọc”, tức chỉ tập trung hỗ trợ những nhóm đối tượng được xác định là yếu thế, khó khăn, thì nay, tư duy “bao phủ toàn dân” khẳng định quyền thụ hưởng phúc lợi cơ bản của mọi công dân như một quyền con người và đây là nghĩa vụ của Nhà nước. Sự chuyển đổi này phản ánh nhận thức mới về vai trò của phúc lợi xã hội từ một công cụ trợ giúp mang tính cứu trợ sang một thiết chế bảo đảm công bằng xã hội

mang tính phổ quát, lâu dài, hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Phúc lợi xã hội không chỉ là biện pháp giảm thiểu rủi ro mà trở thành nền tảng phát triển con người. Đây là sự vận dụng sáng tạo các giá trị tiên bộ của nhân loại, phù hợp với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đồng thời là minh chứng cho năng lực đổi mới tư duy của Đảng ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Thứ hai, chuyển từ phúc lợi mang tính cứu trợ sang phúc lợi gắn với thực hiện quyền con người. Việt Nam thực hiện phúc lợi xã hội toàn dân, đồng nghĩa với việc coi đây là quyền hiến định mà mọi công dân được hưởng, không phụ thuộc vào thu nhập hay hoàn cảnh cá nhân. Tư duy này gắn với mô hình phúc lợi phổ quát ở các nước Bắc Âu và một số nước phát triển. Thể hiện cam kết mạnh mẽ của Nhà nước nhằm bảo đảm các nhu cầu cơ bản, tạo nền tảng, cơ hội để mọi người đều có cơ hội phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Sự chuyển đổi từ phúc lợi xã hội mang tính cứu trợ sang phúc lợi xã hội gắn với thực hiện quyền con người phản ánh bước tiến quan trọng trong tư duy và cách tiếp cận chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Trong mô hình phúc lợi cứu trợ, trọng tâm là can thiệp tình thế nhằm khắc phục khó khăn cho những cá nhân hoặc nhóm yếu thế, dựa trên tiêu chí thu nhập hoặc hoàn cảnh đặc thù. Cách tiếp cận này tuy cần thiết trong giai đoạn khẩn cấp, nhưng thường mang tính ngắn hạn, bị giới hạn về phạm vi bao phủ, dễ tạo ra tâm lý lệ thuộc và chưa bảo đảm tính bền vững. Ngược lại, phúc lợi xã hội gắn với quyền con người đặt nền tảng dựa trên nguyên tắc như các nhu cầu cơ bản, là quyền bất khả xâm phạm của mọi công dân, được Nhà nước bảo đảm thông qua thiết chế pháp luật, cơ chế phân bổ nguồn lực và hệ thống dịch vụ công. Đây là sự dịch chuyển từ tư duy “ban phát” sang tư duy “bảo đảm”, từ tính chất “ơn huệ” sang “quyền được thụ hưởng”, gắn phúc lợi xã hội với trách nhiệm của Nhà nước, nghĩa vụ của xã hội và vai trò chủ thể của mỗi công dân. Cách tiếp cận này vừa phù hợp với Hiến pháp vừa tương thích với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, đồng thời khẳng định định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển - coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của mọi chính sách.

Thứ ba, đặt con người là trung tâm hướng đến tiến bộ, công bằng, văn minh. Phúc lợi xã hội toàn dân không chỉ là một chính sách cụ thể, mà còn là biểu hiện của một tư duy phát triển tiến bộ, thể hiện ở việc quán triệt quan điểm lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, coi người dân vừa là mục tiêu vừa là động lực, từ đó tác động tới quá trình quản trị. Mọi thiết kế và thực thi chính sách phúc lợi phải dựa trên nhu cầu thiết yếu, quyền lợi chính đáng và tiềm năng phát triển của mỗi cá nhân, không phân biệt giới tính, dân tộc, thành phần xã hội hay nơi cư trú. Công bằng được hiểu không chỉ là chia sẻ nguồn lực theo nguyên tắc “ai cũng có phần”, mà còn là tạo cơ hội tiếp cận ngang bằng đối với các dịch vụ công cơ bản và cơ hội phát triển. Công bằng phải song hành với văn minh, nghĩa là nâng cao chuẩn mực sống, thúc đẩy trách nhiệm xã hội, khuyến khích sự tương trợ lẫn nhau và tôn trọng phẩm giá con người; đồng thời bảo đảm cơ chế giám sát minh bạch, để phúc lợi không chỉ là sự trợ giúp, mà là đòn bẩy phát triển con người và xã hội văn minh.

Tính tất yếu của chuyển đổi mô hình phúc lợi xã hội hỗ trợ sang mô hình phúc lợi xã hội phát triển ở Việt Nam

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định phát triển phúc lợi xã hội là một trong những trụ cột quan trọng nhằm bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Mô hình phúc lợi xã hội hỗ trợ ở Việt Nam được hình thành trong bối cảnh đất nước chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm nổi bật của mô hình này là Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc cung cấp các dịch vụ phúc lợi, như dịch vụ công cơ bản (giáo dục, y tế, nhà ở), các chương trình trợ giúp xã hội,... Đối tượng thụ hưởng chủ yếu tập trung hỗ trợ các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, như người nghèo, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi không nơi nương tựa, người có công... Các chính sách chủ yếu mang tính chất trợ cấp, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu thông qua hình thức các dịch vụ miễn phí (chủ đạo) hoặc thu một phần phí (rất ít).

Trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới, Việt Nam thực hiện mô hình phúc lợi xã hội hỗ trợ như một công cụ chính sách nhằm bảo đảm ổn định xã hội, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động kinh tế, thiên tai, dịch bệnh và quá trình cấu trúc lại nền kinh tế. Mô hình này tập trung vào hỗ trợ trực tiếp và có chọn lọc đối với những nhóm yếu thế. Về bản chất, phúc lợi xã hội hỗ trợ mang tính chất “cứu trợ, bù đắp”, đặt trọng tâm vào xử lý hậu quả và giảm thiểu thiệt hại hơn là phòng ngừa rủi ro và đầu tư cho phát triển con người. Nguồn lực chủ yếu đến từ ngân sách nhà nước với phạm vi bao phủ hạn chế, thủ tục hành chính còn nặng tính xin - cho. Mô hình này giúp giải quyết tức thời các nhu cầu bức thiết, song cũng bộc lộ những hạn chế như phạm vi tác động hẹp, thiếu tính bền vững, chưa tạo được động lực để người dân chủ động vươn lên; đồng thời chưa tận dụng hết vai trò của các nguồn lực xã hội và cơ chế thị trường.

Trước yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển đất nước, mô hình phúc lợi xã hội hỗ trợ từng bước được chuyển đổi sang mô hình phúc lợi xã hội phát triển, phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển bền vững. Nghị quyết số 42 ra đời đánh dấu sự chuyển đổi sang mô hình phúc lợi xã hội phát triển, đây cũng là yêu cầu tất yếu dựa trên các luận điểm sau:

Thứ nhất, tiếp cận lý luận quyền con người. Các quyền về an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, bao gồm quyền được học tập, chăm sóc sức khỏe, có việc làm, có nhà ở... là những quyền cơ bản đã được khẳng định trong Hiến pháp và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Phúc lợi xã hội vì thế không thể chỉ là sự ưu đãi mà là nghĩa vụ Nhà nước phải bảo đảm và quyền nhân dân được thụ hưởng bình đẳng.

Thứ hai, tiếp cận lý luận phát triển bền vững. Phúc lợi xã hội phát triển hướng tới đầu tư cho con người như nguồn lực cốt lõi của tăng trưởng, kết hợp giữa bảo đảm công bằng xã hội và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Mô hình này gắn kết chặt chẽ giữa chính sách xã hội và chính sách kinh tế, không chỉ “khắc phục” khi khó khăn, mà còn “phòng ngừa” và “trao cơ hội” để mọi người tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển.

Thứ ba, tiếp cận lý luận quản trị công mới. Nhà nước trong mô hình phúc lợi phát triển không đơn thuần là “người cấp phát” mà là nhà kiến tạo, tạo lập thể chế, huy động và điều phối hiệu quả các nguồn lực công - tư - cộng đồng; mở rộng hợp tác quốc tế; bảo đảm minh bạch, giám sát và trách nhiệm giải trình.

Thứ tư, tiếp cận mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển sang mô hình phúc lợi xã hội phát triển là cụ thể hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, bảo đảm “mọi người có cơ hội phát triển toàn diện”, giảm khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, miền, nhóm dân cư và thể hệ.

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những chuyển biến sâu sắc cả về kinh tế, xã hội lẫn thể chế, yêu cầu chuyển đổi mô hình phúc lợi xã hội từ hỗ trợ sang phát triển phản ánh đúng quy luật vận động của tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã tạo ra những thay đổi căn bản trong cơ cấu xã hội, làm xuất hiện nhiều nhóm dân cư với nhu cầu đa dạng, đòi hỏi hệ thống phúc lợi phải được tổ chức lại theo hướng bao trùm, linh hoạt và hiệu quả. Đồng thời, quá trình già hóa dân số, sự phát triển của kinh tế số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những thách thức mới đối với việc bảo đảm phúc lợi xã hội, yêu cầu các chính sách không chỉ dừng lại ở hỗ trợ thụ động mà phải hướng tới phát triển năng lực, tạo cơ hội và khuyến khích sự tham gia chủ động của người dân vào quá trình phát triển. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, các chính sách phúc lợi cần được thiết kế như một bộ phận cấu thành của hệ thống bảo đảm quyền con người, quyền công dân, gắn với mục tiêu phát triển bền vững và tiến bộ xã hội. Việc chuyển đổi mô hình phúc lợi xã hội theo hướng phát triển không chỉ là sự thích ứng với bối cảnh mới mà còn thể hiện tư duy đổi mới, nhất quán của Đảng ta trong việc lấy con người là trung tâm, chủ thể và là động lực của sự phát triển.

Một số gợi ý chính sách

Trên cơ sở những thay đổi căn bản trong nhận thức về phúc lợi xã hội và chuyển đổi mô hình phúc lợi xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42, thời gian tới, để mô hình phúc lợi xã hội Việt Nam thực sự phát huy hiệu quả, cần tập trung vào một số nội dung sau:

Một là, đổi mới cách tiếp cận chính sách.

Trong tư duy phát triển hiện đại, cần nhận thức rõ đầu tư vào phúc lợi xã hội không phải là gánh nặng ngân sách mà là một hình thức đầu tư chiến lược tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững và tiến bộ xã hội. Việc Nhà nước dành nguồn lực cho phúc lợi xã hội không chỉ nhằm bảo đảm quyền thụ hưởng của người dân mà còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong thực tiễn phát triển, những quốc gia có hệ thống phúc lợi xã hội vững mạnh thường đạt được mức tăng trưởng ổn định, gắn với sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Đầu tư vào phúc lợi chính là đầu tư vào con người - chủ thể trung tâm của quá trình phát triển, từ đó tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực đối với toàn bộ các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, một hệ thống phúc lợi xã hội phát triển sẽ giúp giảm thiểu các chi phí xã hội phát sinh từ bất bình

đăng, xung đột, tội phạm và các vấn đề an ninh phi truyền thống, qua đó tiết kiệm ngân sách trong dài hạn. Vì vậy, cần thay đổi nhận thức, chuyển từ tư duy chỉ tiêu sang tư duy đầu tư, coi phúc lợi xã hội là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của chiến lược phát triển quốc gia, gắn với mục tiêu xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chuyển từ cách tiếp cận đối tượng yếu thế sang tiếp cận theo vòng đời - hỗ trợ con người từ nhỏ đến khi già. Trước đây, phúc lợi xã hội thường được hiểu là sự hỗ trợ dành cho những nhóm yếu thế với mục tiêu giảm thiểu rủi ro và bất bình đẳng. Tuy nhiên, cách tiếp cận này mang tính phản ứng, bị động và dễ tạo ra tâm lý lệ thuộc. Ngược lại, tiếp cận theo vòng đời là cách nhìn toàn diện, chủ động và mang tính dự phòng nhằm hỗ trợ con người trong từng giai đoạn của cuộc đời. Mỗi giai đoạn đều có những nhu cầu đặc thù về giáo dục, y tế, việc làm, bảo hiểm, chăm sóc... và chính sách phúc lợi cần được thiết kế để đồng hành cùng con người trong suốt hành trình phát triển. Đây là cách tiếp cận nhân văn, khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người, thúc đẩy cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi công dân.

Hai là, bảo đảm nguồn lực tài chính và phân bổ nguồn lực.

Việc bảo đảm nguồn lực tài chính không chỉ là điều kiện cần để triển khai các chính sách mà còn phản ánh cam kết chính trị của Nhà nước trong thực hiện công bằng xã hội và phát triển con người. Bối cảnh hiện nay đặt ra yêu cầu phúc lợi xã hội ngày càng đa dạng, việc xây dựng cơ chế tài chính bền vững, linh hoạt và công bằng là nhiệm vụ cấp thiết. Trong quá trình xây dựng hệ thống phúc lợi xã hội hướng tới phát triển bền vững và tiến bộ xã hội, bảo đảm tài chính là yếu tố nền tảng, quyết định hiệu quả thực thi chính sách. Phúc lợi xã hội không thể chỉ dựa vào ngân sách nhà nước, mà cần được thiết kế trên nguyên tắc đa dạng hóa nguồn lực, kết hợp giữa ngân sách công, đóng góp xã hội, khu vực tư nhân và các quỹ tài chính. Đồng thời, cần phát triển các quỹ phúc lợi xã hội độc lập, được quản lý minh bạch, chuyên nghiệp, có khả năng sinh lời để bảo đảm chi trả lâu dài. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các chương trình phúc lợi thông qua trách nhiệm xã hội cũng là một hướng đi hiệu quả, góp phần chia sẻ gánh nặng với Nhà nước. Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý và giám sát chỉ tiêu phúc lợi sẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực, giảm thất thoát và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

Trong bối cảnh đổi mới tư duy quản lý nhà nước theo hướng quản trị công mới, việc phân bổ nguồn lực thực hiện phúc lợi xã hội cần được chuyển từ cơ chế hành chính bao cấp sang cơ chế phân bổ dựa trên hiệu quả, công bằng và nhu cầu thực tế của người dân. Quản trị công mới nhấn mạnh vai trò của nhà nước như một nhà điều phối và bảo đảm dịch vụ công, thay vì trực tiếp bao cấp toàn diện. Theo đó, nguồn lực phúc lợi xã hội cần được phân bổ theo nguyên tắc lấy người dân làm trung tâm, ưu tiên các nhóm dễ bị tổn thương, vùng sâu, vùng xa, đồng thời khuyến khích sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước như doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng. Việc phân bổ không chỉ dựa vào chỉ tiêu hành chính, mà cần gắn với kết quả đầu ra, mức độ hài lòng của người thụ hưởng và hiệu quả sử dụng ngân sách. Cơ chế đặt hàng dịch vụ công, đấu thầu xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP) cần được áp dụng linh hoạt

để tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ phúc lợi. Đồng thời, cần tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và giám sát xã hội trong quá trình phân bổ, nhằm bảo đảm công bằng và phòng ngừa thất thoát, lãng phí.

Ba là, xây dựng hệ thống dịch vụ phúc lợi xã hội chất lượng tốt, bao trùm.

Dịch vụ phúc lợi xã hội không chỉ là sự hỗ trợ về vật chất, mà còn là công cụ bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ cơ bản, nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Một hệ thống dịch vụ chất lượng cao phải bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện với người dân, đồng thời có khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhóm dân cư trong từng giai đoạn cuộc đời. Tính bao trùm thể hiện ở việc “không để ai bị bỏ lại phía sau”, bất kể hoàn cảnh kinh tế, địa lý hay năng lực cá nhân, đều có quyền tiếp cận công bằng với các dịch vụ phúc lợi. Để đạt được điều đó, cần đầu tư đồng bộ vào hạ tầng dịch vụ, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội, ứng dụng công nghệ số trong quản lý và cung cấp dịch vụ. Việc xây dựng hệ thống dịch vụ phúc lợi xã hội chất lượng, bao trùm không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, củng cố niềm tin của nhân dân vào vai trò của Nhà nước trong bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

“DÂN LÀ GỐC” TRONG BÁO CÁO TRÌNH ĐẠI HỘI XIV: ĐIỂM TỰA BỀN VỮNG NHẤT, “HẠ TẦNG MỀM” QUAN TRỌNG NHẤT

Trong Báo cáo trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh “Dân là gốc” không chỉ như một tư tưởng xuyên suốt, mà còn đặt trực tiếp trong nhóm các bài học lớn có ý nghĩa phương pháp luận đối với toàn bộ quá trình lãnh đạo, cầm quyền. Việc đưa “Dân là gốc” vào phần bài học - chứ không chỉ ở phần định hướng hay kết luận - cho thấy đây không phải là một khẩu hiệu giá trị, mà là một nguyên tắc chỉ đạo hành động.

Bài học ấy được diễn đạt với nội hàm rất cụ thể: quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc”; phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân; củng cố và phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; thực hành đầy đủ “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đặc biệt, Báo cáo nhấn mạnh việc lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ.

Cách đặt vấn đề này cho thấy “Dân là gốc” đã được nâng lên thành một bài học về phương pháp lãnh đạo, chi phối cách tổ chức quyền lực, cách vận hành bộ máy và cách tự đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng trong kỷ nguyên mới.

Từ đạo lý lịch sử đến phương pháp lãnh đạo hiện đại

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, “Dân là gốc” trước hết là một chân lý đạo lý, một nguyên tắc nền tảng giúp Đảng quy tụ, tổ chức và phát huy sức mạnh Nhân dân trong đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, điều cốt yếu không chỉ là khẳng định tư tưởng đúng, mà là chuyển hóa tư tưởng ấy thành phương pháp lãnh đạo hiệu quả.

Báo cáo của Tổng Bí thư Tô Lâm cho thấy một bước chuyển rất rõ: “Dân là gốc” không còn dừng ở tinh thần “vì dân”, mà được cụ thể hóa thành *cách thức tổ chức mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân*. Chuỗi thực hành “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” phản ánh một tư duy quản trị hiện đại, trong đó Nhân dân tham gia thực chất vào toàn bộ vòng đời của chính sách công, từ hình thành đến thực thi và đánh giá.

Chính ở đây, “Dân là gốc” được nâng cấp từ một giá trị đạo lý thành *một thiết kế vận hành của hệ thống chính trị*, gắn trực tiếp với hiệu quả thực tế và chất lượng quản trị quốc gia.

“Dân là gốc” như nền tảng của kiểm soát quyền lực và xây dựng Đảng

Một nội dung có ý nghĩa tư tưởng rất sâu sắc trong Báo cáo là mệnh đề: *dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị*. Mệnh đề này hàm chứa một nhận thức rất sâu

sắc: Quyền lực không thể tự kiểm soát hoàn toàn từ bên trong, mà cần được đặt trong mối quan hệ thường trực với Nhân dân.

Ở đây, “Dân là gốc” trở thành *nền tảng tư tưởng của kiểm soát quyền lực từ xã hội*. Sự giám sát của Nhân dân không chỉ giúp phát hiện sai lệch, mà còn tạo ra động lực để Đảng tự chỉnh đốn, tự đổi mới và giữ vững mối liên hệ máu thịt với dân. Đây là một bước phát triển quan trọng trong tư duy xây dựng Đảng cầm quyền: từ nhấn mạnh kỷ luật nội bộ sang kết hợp chặt chẽ giữa kỷ luật nội bộ và giám sát xã hội.

Lấy sự hài lòng của Nhân dân làm chuẩn mực đánh giá quyền lực

Một điểm mới có giá trị lý luận và thực tiễn nổi bật là yêu cầu lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ. Đây là sự nâng cấp rất rõ của tư tưởng “Dân là gốc”.

Khi tiêu chí đánh giá cán bộ được gắn với sự hài lòng của Nhân dân, *quyền lực được tái định nghĩa theo hướng quyền lực phục vụ*. Chức vụ, thẩm quyền hay quy trình không còn là thước đo chủ yếu; thay vào đó, kết quả tạo ra cho xã hội và cho người dân trở thành chuẩn mực quyết định. Điều này đánh dấu sự chuyển dịch từ tư duy “đúng quy trình” sang tư duy “đúng với cuộc sống”, cần cho cuộc sống, từ chú trọng ban hành chính sách sang chú trọng tác động thực chất của chính sách.

Ở tầm hệ tư tưởng, đây là bước tiến quan trọng trong việc xác lập *chuẩn mực chính danh mới của quyền lực chính trị* trong điều kiện phát triển hiện nay.

“Dân là gốc” trong tầm nhìn chiến lược: Nền tảng của thể trận lòng dân và phát triển bền vững

Trên nền tảng bài học và phương pháp lãnh đạo được đổi mới, Báo cáo tiếp tục khẳng định ở tầm nhìn chiến lược: *Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, là động lực và là nguồn lực của phát triển*. Tư tưởng này hoàn chỉnh bức tranh được nâng cấp “Dân là gốc” từ phương pháp lãnh đạo đến triết lý phát triển.

Đồng thời, Báo cáo đặt “Dân là gốc” trong mối liên hệ trực tiếp với thể trận lòng dân. Lòng dân vững thì quốc phòng, an ninh vững; lòng dân vững thì cải cách mới đi tới cùng; lòng dân vững thì những khó khăn, thách thức lớn cũng có thể vượt qua. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh và cạnh tranh chiến lược gay gắt, “thể trận lòng dân” chính là *hạ tầng mềm quan trọng nhất của quốc gia*, là điểm tựa để triển khai thành công mọi chiến lược lớn.

Nền tảng tư tưởng cho kỷ nguyên mới

Nhìn tổng thể, có thể thấy Báo cáo của Tổng Bí thư Tô Lâm đã thực hiện một *bước nâng cấp toàn diện tư tưởng “Dân là gốc”*: Từ chân lý đạo lý của lịch sử, thành phương pháp lãnh đạo chỉ đạo hiện đại; từ nguyên tắc chính trị chung, thành cơ chế kiểm soát quyền lực; từ mục tiêu phát triển, thành chuẩn mực đánh giá hiệu quả lãnh đạo.

Khi “Dân là gốc” trở thành hệ tư tưởng hành động, chi phối cách Đảng nhìn nhận phát triển, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo và tự đánh giá mình, đó cũng là lúc Đảng bước vào kỷ nguyên mới với niềm tin chiến lược lớn hơn, nhưng đồng thời với trách nhiệm trước Nhân dân cao

hơn bao giờ hết. Nói giản dị, như chính phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải biết xấu hổ khi dân còn khó khăn, nghèo đói”. Chính điều ấy tạo nên điểm tựa bền vững nhất cho con đường phát triển lâu dài, bền vững của đất nước.

TS. Nguyễn Sĩ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: baochinhphu.vn

THÀNH CÔNG CỦA ĐẠI HỘI XIV: TỪ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN ĐẾN KỶ LUẬT THỰC THI

Nhìn lại Đại hội XIV vừa diễn ra thành công rất tốt đẹp, có thể thấy một trong những điểm nhấn quan trọng là Nhà nước pháp quyền lấy kỷ luật thực thi làm thước đo, coi cải cách thể chế là “đột phá của các đột phá”.

Dự thảo Báo cáo chính trị do Tổng Bí thư Tô Lâm trình trước Đại hội XIV đặt ra một yêu cầu rất thực tế, nhưng cũng đậm tinh thần pháp quyền: Chọn đúng, làm nhanh, làm đến nơi đến chốn và đo bằng kết quả.

Nếu coi đây là “chìa khóa” của giai đoạn mới, thì các quyết sách đột phá trong văn kiện không chỉ là khẩu hiệu phát triển. Đó là một gói cải cách thể chế, quản trị và trách nhiệm công vụ, có thể tạo ra chuyển động lịch sử, nhất là khi được triển khai bằng cơ chế luật hóa và kiểm soát quyền lực.

Đột phá thứ nhất: Nhà nước pháp quyền “lấy thực thi làm thước đo”, chuyển từ đúng quy trình sang đúng kết quả

Một trong những điểm nhấn nổi bật nhìn từ Đại hội XIV vừa qua là tư tưởng hoàn thiện thể chế phát triển và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, coi “thực thi” là thước đo quan trọng.

Ở góc nhìn pháp lý và quản trị nhà nước, đây là thay đổi rất đáng chú ý. Thay vì chỉ nhấn mạnh thiết kế chính sách, văn kiện đòi hỏi kỷ luật thực thi như một năng lực cốt lõi của bộ máy.

Cụ thể, dự thảo Báo cáo chính trị đặt trọng tâm vào đổi mới phương thức quản trị phát triển quốc gia theo hướng hiện đại, minh bạch, trách nhiệm giải trình cao. Đồng thời, thúc đẩy phân cấp, phân quyền đi kèm kiểm soát quyền lực. Tăng cường kỷ cương hành chính. Xây dựng đội ngũ công vụ chuyên nghiệp, liêm chính, phụng sự.

Điều đáng bàn không chỉ là “tinh thần cải cách”, mà là hàm ý lập pháp. Muốn “lấy thực thi làm thước đo”, hệ thống pháp luật phải đi theo ba hướng.

Thứ nhất, chuẩn hóa trách nhiệm giải trình, gồm mục tiêu, chỉ tiêu, người chịu trách nhiệm, thời hạn và cơ chế hậu kiểm.

Thứ hai, ràng buộc kiểm soát quyền lực trong phân cấp, phân quyền, với thẩm quyền rõ, điều kiện rõ, chế tài rõ và cơ chế giám sát độc lập.

Thứ ba, đo lường kết quả bằng chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp. Đây là cách tiếp cận rất “pháp quyền thực chất”.

Một quyết sách “đánh trúng điểm nghẽn”: Xóa cơ chế “xin - cho”, cắt thủ tục, số hóa toàn chu trình. Dự thảo gọi thẳng thể chế vừa là “điểm nghẽn”, vừa là “đột phá của các đột phá”.

Đặc biệt, văn kiện nêu yêu cầu kiên quyết xóa cơ chế “xin - cho”, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và đẩy nhanh số hóa toàn diện theo chuỗi quy trình, bảo đảm liên thông dữ liệu liên ngành.

Đây là nhóm quyết sách mang tính “lịch sử”, vì đánh trực diện vào căn nguyên của chi phí không chính thức và sự trì trệ hành chính. Nếu được luật hóa đúng cách, các quyết sách này sẽ tạo ra ba tác động lớn.

Một là, giảm quyền tùy nghi, tăng quyết định theo chuẩn mực, cốt lõi của Nhà nước pháp quyền. Hai là, tăng tính dự đoán của môi trường kinh doanh, hạn chế rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp. Ba là, chuyển “điểm chạm” từ con người sang dữ liệu, tạo nền tảng cho minh bạch và truy vết trách nhiệm.

Đáng chú ý, dự thảo đưa ra một cách đo rất “đời”. Đó là lấy thời gian và chi phí của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng cải cách, hướng tới môi trường đầu tư – kinh doanh an toàn, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh. Đây chính là ngôn ngữ của “pháp luật phục vụ phát triển”, nơi hiệu quả thực tế quan trọng không kém tính đúng đắn về hình thức.

Đột phá thứ hai: Khoa học - công nghệ không chỉ là khẩu hiệu

Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ XIV vừa mới đây không chỉ dừng ở khuyến khích đổi mới sáng tạo, mà đi sâu vào cấu trúc cơ chế.

Muốn đột phá công nghệ, phải bắt đầu từ con người và cơ chế. Phải có cơ chế thu hút và ưu tiên sử dụng nhân tài. Đánh giá theo sản phẩm. Áp dụng cơ chế tài chính linh hoạt, PPP và cơ chế “đặt hàng” nhiệm vụ khoa học gắn với nhu cầu phát triển.

Ở góc nhìn pháp luật, thông điệp rất rõ. Nếu vẫn dùng cơ chế quản lý cũ, như xin - cho, dự toán cứng, thủ tục nhiều tầng nấc, thì khoa học - công nghệ khó trở thành động lực. Vì vậy, “quyết sách lịch sử” ở đây là đổi luật và đổi cách quản trị chi tiêu công cho nghiên cứu và phát triển. Linh hoạt nhưng kiểm soát được. Khuyến khích rủi ro sáng tạo nhưng có chuẩn mực đánh giá đầu ra.

Đột phá thứ ba: Xây dựng xã hội kỷ luật, liêm chính – “hạ tầng mềm” của phát triển

Một điểm mạnh của dự thảo Báo cáo chính trị là kết nối chặt chẽ giữa phát triển và trật tự xã hội. Đó là xây dựng một xã hội kỷ luật, văn minh, an toàn và phát triển. Tăng cường thượng tôn pháp luật, cải cách hành chính. Đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực. Hình thành đội ngũ cán bộ liêm chính, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Với lăng kính pháp lý, chống tham nhũng và lãng phí trong dự thảo không chỉ là “làm sạch”, mà là tạo niềm tin thể chế. Khi niềm tin tăng, chi phí giao dịch giảm. Khi kỷ luật tăng, hiệu suất đầu tư công và chất lượng dịch vụ công tăng. Khi trách nhiệm rõ, người dân có cơ sở bảo vệ quyền lợi, doanh nghiệp yên tâm đầu tư dài hạn.

“Dân là gốc” - mạch xuyên suốt của cải cách pháp quyền. Dự thảo nhấn mạnh tư tưởng xuyên suốt: Nhân dân là gốc. Nhân dân là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực và nguồn lực

của phát triển. Mọi đường lối, chính sách đều hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và bảo đảm dân chủ.

Đặt trong tinh thần Nhà nước pháp quyền, “dân là gốc” không thể dừng ở tuyên ngôn. Điều này đòi hỏi pháp luật phải dễ hiểu, dễ thực hiện. Thủ tục phải minh bạch, có thời hạn. Quyết định hành chính phải có căn cứ, có thể kiểm tra. Người dân phải có kênh khiếu nại, khởi kiện hiệu quả khi quyền lợi bị xâm phạm.

Điều kiện để “quyết sách lịch sử” thành hiện thực

Một văn kiện mạnh chỉ thật sự trở thành “đột phá lịch sử” khi đi qua ba cửa.

Thứ nhất, luật hóa đúng trọng tâm, bỏ các “tuyên ngôn chung”, chuyển thành nghĩa vụ cụ thể của cơ quan nhà nước.

Thứ hai, thiết kế hệ thống KPI pháp quyền, như thời gian xử lý hồ sơ, chi phí tuân thủ, mức độ liên thông dữ liệu, tỉ lệ quyết định bị hủy hoặc sửa do sai căn cứ, đúng tinh thần “đo bằng kết quả”.

Thứ ba, hậu kiểm và giám sát độc lập. Phân cấp phải đi cùng kiểm soát quyền lực, tránh “cắt khúc trách nhiệm”.

Tóm lại, dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV và kết quả của Đại hội XIV vừa mới diễn ra cho thấy một khung tư tưởng rất rõ. Lấy Nhà nước pháp quyền và kỷ luật thực thi làm đòn bẩy phát triển. Coi cải cách thể chế là “đột phá của các đột phá”. Đo lường bằng thời gian và chi phí của người dân, doanh nghiệp. Đặt khoa học - công nghệ vào đúng “hệ cơ chế” để tạo năng suất mới.

Nếu được triển khai bằng một chương trình luật hóa và cải cách hành chính đủ mạnh, các quyết sách này hoàn toàn có thể trở thành “đấu mốc lịch sử”. Không phải vì lời lẽ lớn, mà vì năng lực biến chủ trương thành quyền lợi cụ thể của người dân và chuẩn mực hành xử của bộ máy công quyền.

Nguồn: plo.vn

TỪ 3 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC, TƯ DUY NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHẢI THẨM SÂU VÀO BỘ MÁY VỚI TINH THẦN HÀNH ĐỘNG CAO

Tiến sĩ Lê Khánh Cường - Chuyên gia Chính sách kinh tế vĩ mô, Chủ nhiệm bộ môn Kinh tế đầu tư và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội cho rằng, đây không chỉ là sự kế thừa tư duy phát triển nhất quán qua các kỳ đại hội, mà còn phản ánh sự điều chỉnh kịp thời trước bối cảnh kinh tế toàn cầu đang chuyển dịch nhanh chóng.

Yêu cầu đặt ra ngay sau Đại hội là phải nhanh chóng chuyển hóa các định hướng chiến lược thành chương trình hành động cụ thể, có lộ trình, có trọng tâm và có khả năng đo lường.

Theo Tiến sĩ Lê Khánh Cường, trước hết, phải tạo đột phá thể chế, xác định đột phá thể chế để “mở đường”. Thể chế không chỉ là hệ thống luật pháp, mà còn bao gồm chất lượng chính sách, năng lực thực thi và môi trường kinh doanh; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, rà soát và sửa đổi các văn bản pháp luật tạo rào cản cho đầu tư và đổi mới sáng tạo.

Ở giai đoạn trung hạn (2028 - 2030), cần nâng cao chất lượng xây dựng và thực thi chính sách. Điều này đòi hỏi cơ chế đánh giá tác động chính sách được thực hiện nghiêm túc hơn, tăng cường tham vấn công khai và minh bạch hóa quy trình ban hành văn bản. Trọng tâm là chuyển mạnh từ tư duy “quản lý” sang tư duy kiến tạo phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Sau năm 2030, cần xây dựng hệ thống thể chế hiện đại, ổn định, có khả năng thích ứng với thay đổi nhanh của thế giới, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Cùng đó, Tiến sĩ Lê Khánh Cường cho rằng, cần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn chặt với yêu cầu của mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất và giá trị gia tăng. Nguồn nhân lực không chỉ là vấn đề đào tạo, mà là bài toán tổng thể từ giáo dục, thị trường lao động đến thu hút và sử dụng nhân tài.

Hiện nay, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của Việt Nam khoảng 25%, thấp hơn nhiều so với Thái Lan (35%) hay Malaysia (40%). Vì vậy, cần sớm triển khai các chương trình đột phá như cải cách căn bản giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Nhìn nhận Đại hội XIV mở ra một giai đoạn phát triển mới với tầm nhìn dài hạn và quyết tâm chính trị cao, Tiến sĩ Lê Khánh Cường nói cần biến các đột phá chiến lược thành hành động cụ thể, đo lường được và có trách nhiệm giải trình rõ ràng.

Trong đó, cần chú trọng đến chất lượng thiết kế chính sách dựa trên bằng chứng và dữ liệu; năng lực thực thi nhất quán của bộ máy nhà nước và cơ chế giám sát, điều chỉnh linh hoạt dựa trên phản hồi từ thực tiễn.

“Khi thể chế được hoàn thiện, nguồn nhân lực được nâng tầm và hạ tầng được hiện đại hóa trong một khuôn khổ quản trị công hiệu quả, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bao trùm, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để bứt phá theo con đường tăng trưởng bền vững. Chỉ khi nhà nước thực sự kiến tạo, hành động quyết liệt và lấy người dân làm trung tâm, khát vọng Việt Nam hùng cường mới có thể trở thành hiện thực”- Tiến sĩ Lê Khánh Cường nêu.

Nhà nước kiến tạo phát triển phải luôn song hành với bảo đảm an sinh xã hội

Nhấn mạnh tư duy kiến tạo, phát triển phải thấm sâu vào bộ máy nhà nước và căn tính thần hành động để có thể tiệm cận và dần đạt được mục tiêu mà Đại hội đề ra, Tiến sĩ Lê

Khánh Cường cho rằng điều này không thể dừng lại ở khẩu hiệu, mà cần được cụ thể hóa bằng những thay đổi trong cách thức vận hành của khu vực công.

“Tinh thần hành động cần được thể hiện ở việc chuyển từ “làm đúng quy trình” sang “làm đúng mục tiêu”. Cán bộ, công chức không chỉ tuân thủ quy định, mà phải chủ động tìm giải pháp để giải quyết vấn đề phát triển, miễn là trong khuôn khổ pháp luật. Điều này đòi hỏi một cơ chế phân cấp, phân quyền rõ ràng hơn, đi kèm với trách nhiệm giải trình” - Tiến sĩ Lê Khánh Cường nói và dẫn chứng kinh nghiệm từ Singapore, Hàn Quốc cho thấy việc phân quyền sẽ hiệu quả khi có hệ thống kiểm soát tốt, tránh lạm quyền và tham nhũng.

Ngoài ra, cần hệ thống đánh giá dựa trên kết quả đầu ra, không chỉ đánh giá theo quy trình; thiết lập hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) minh bạch cho các cơ quan nhà nước, gắn với trách nhiệm giải trình công khai.

Cạnh đó vấn đề về quản trị công cũng cần được quan tâm thực hiện, bởi đây là điều kiện không thể thiếu của nhà nước kiến tạo. Việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước sẽ giúp nâng cao chất lượng ra quyết định chính sách dựa trên dữ liệu thực, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân; tăng tính minh bạch trong hoạt động công quyền.

Khi bộ máy nhà nước vận hành hiệu quả, niềm tin của người dân và doanh nghiệp sẽ được củng cố - đây chính là “vốn xã hội” quan trọng cho phát triển bền vững.

“Nhưng điều tôi muốn nhấn mạnh là tư duy kiến tạo phát triển phải luôn song hành với bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bao trùm. Tăng trưởng dựa trên năng suất và giá trị gia tăng chỉ thực sự bền vững khi thành quả phát triển được phân bổ công bằng, không để ai bị bỏ lại phía sau” - Tiến sĩ Lê Khánh Cường cho hay.

Theo Tiến sĩ Lê Khánh Cường, các chính sách phát triển cần tích hợp ngay từ đầu các mục tiêu an sinh, giảm bất bình đẳng; không thể chờ đến khi tăng trưởng rồi mới nghĩ đến phân phối. Hơn nữa, cần hỗ trợ các nhóm yếu thế trong quá trình chuyển đổi kinh tế. Ví dụ, khi chuyển đổi số, phải có chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng qua đào tạo lại, hỗ trợ việc làm.

Đồng thời, cần nâng cao khả năng chống chịu của người dân trước các cú sốc kinh tế - xã hội thông qua xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đặc biệt là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; đảm bảo tiếp cận công bằng đến các dịch vụ công cơ bản như giáo dục, y tế, nhà ở cho tất cả người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa.

Nguồn: plo.vn

ĐỘT PHÁ CẢI CÁCH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH: ĐIỂM TỰA CHO DOANH NGHIỆP BỨT PHÁ

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, chất lượng môi trường kinh doanh ngày càng trở thành yếu tố quyết định sức chống chịu và năng lực cạnh tranh của doanh

ngành. Đột phá cải cách môi trường kinh doanh vì thế không chỉ là yêu cầu trước mắt, mà là điểm tựa quan trọng để cộng đồng doanh nghiệp khơi thông nguồn lực, tăng tốc trong giai đoạn phát triển mới.

Môi trường kinh doanh cải thiện, song vẫn còn “gập ghềnh”

Nhìn lại năm 2025, Chính phủ đánh giá công cuộc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Nhiều mục tiêu đề ra cơ bản hoàn thành, thậm chí có chỉ tiêu vượt kế hoạch, đặc biệt trong cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số.

Một trong những điểm nhấn nổi bật là việc vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia như “một cửa số” tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Đến cuối năm 2025, có 1.132/1.167 thủ tục hành chính được các địa phương cung cấp trực tuyến, tương đương 97,1%. Song song với đó, trong năm 2025, các Bộ, ngành đã ban hành mới 825 thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung 2.632 thủ tục hành chính và bãi bỏ 1.037 thủ tục hành chính; ở cấp địa phương, 290 thủ tục hành chính mới được ban hành, 505 thủ tục hành chính được sửa đổi và 428 thủ tục hành chính bị bãi bỏ.

Việc thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng đạt kết quả đáng ghi nhận. Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 3.085/4.888 thủ tục hành chính (đạt 63,1%); cắt giảm 2.371/6.974 điều kiện kinh doanh (đạt 33,9%). Thời gian giải quyết TTHC được cắt giảm 29.308/89.721 ngày (đạt 32,7%) và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính giảm khoảng 48,6/120.000 tỷ đồng mỗi năm (đạt 40,5%).

Những nỗ lực cải cách này góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên các bảng xếp hạng quốc tế. Báo cáo Business Ready 2025 của Ngân hàng Thế giới ghi nhận Việt Nam đạt 63,8 điểm, xếp thứ 42/101 nền kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, môi trường kinh doanh vẫn còn không ít rào cản. Chính phủ chỉ rõ, thủ tục hành chính dù đã được cắt giảm nhưng vẫn còn phức tạp; dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự thông suốt; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan mới ở giai đoạn đầu, chưa đáp ứng yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

Báo cáo của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về tình hình doanh nghiệp năm 2025 cũng cho thấy “sức khỏe” của khu vực doanh nghiệp vẫn còn yếu, dễ tổn thương trước rủi ro chính sách và thị trường. Trong năm 2025, hơn 80 luật và trên 320 nghị định được ban hành, phần lớn theo quy trình rút gọn. Mục tiêu là tháo gỡ điểm nghẽn, song hệ quả là doanh nghiệp gặp không ít khó khăn trong việc nắm bắt và dự báo chính sách. Theo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, chỉ 24% doanh nghiệp phản ánh thường xuyên tiếp cận được thông tin về dự thảo chính sách và chỉ khoảng 10% có cơ hội tham gia góp ý. Đáng lo ngại, 93% doanh nghiệp không thể dự đoán được các thay đổi pháp luật, làm gia tăng rủi ro và chi phí tuân thủ. Cùng với đó, chi phí không chính thức và gánh nặng thủ tục hành chính vẫn tồn tại dai dẳng.

Không chỉ doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài cũng đánh giá môi trường kinh doanh tại Việt Nam còn nhiều rào cản. Ông Ozasa Haruhiko - Trưởng đại diện

Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) tại Hà Nội - cho biết cộng đồng doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam cảm nhận rõ sự gia tăng rủi ro bắt nguồn từ thể chế. Theo đánh giá của các doanh nghiệp, năm 2025, các rủi ro về “thủ tục hành chính phức tạp (cấp phép, phê duyệt...)” và “hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, vận hành thiếu minh bạch” của Việt Nam cao hơn trung bình ASEAN trên 20 điểm. Đáng chú ý, mức độ đánh giá rủi ro về thủ tục hành chính phức tạp đã tăng liên tục từ năm 2019 và riêng năm 2025 tăng thêm 5,1 điểm so với năm trước. Thực tiễn này cho thấy yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cải cách môi trường kinh doanh là rất cấp thiết trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng gay gắt.

Cải cách đo bằng cảm nhận của doanh nghiệp

Từ thực tiễn môi trường kinh doanh còn nhiều “gập ghềnh”, Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 đã đưa ra thông điệp xuyên suốt: Cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng đồng bộ, thực chất và có trách nhiệm. Đây là năm thứ 11 liên tiếp Chính phủ ban hành nghị quyết chuyên đề về cải cách môi trường kinh doanh, cho thấy quyết tâm duy trì áp lực cải cách một cách bền bỉ.

Nghị quyết 02/NQ-CP đặt mục tiêu, năm 2026, số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường tăng khoảng 15-20%; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng khoảng 10% so với năm 2025.

Ngay trong quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu chuyển đổi tư duy từ “quản lý” sang “kiến tạo, phát triển”, lấy người dân và doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ. Đây không chỉ là sự điều chỉnh về cách tiếp cận, mà là phản hồi trực tiếp trước những áp lực tuân thủ mà cộng đồng doanh nghiệp đang phải gánh chịu.

Một điểm nhấn khác là yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với phân cấp, phân quyền triệt để, song song với tăng cường kiểm tra, giám sát. Theo đó, từng bước thay thế “tiền kiểm” bằng “hậu kiểm”, giảm sự can thiệp hành chính trực tiếp nhưng vẫn bảo đảm kỷ cương pháp luật.

Khoảng cách giữa chủ trương và thực thi, đặc biệt ở cấp địa phương, tiếp tục được xác định là thách thức lớn. Vì vậy, Nghị quyết đặt trọng tâm vào trách nhiệm người đứng đầu, gắn phân cấp với cơ chế giám sát theo tiêu chí “6 rõ” - rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền - nhằm đạt mục tiêu “3 dễ”: Dễ triển khai, dễ kiểm tra, dễ đánh giá.

Đáng chú ý, lần đầu tiên các chỉ số phản ánh cảm nhận của doanh nghiệp và người dân như PCI, PAR Index, SIPAS được đặt ở vị trí trung tâm trong đánh giá cải cách. Điều này cho thấy cải cách không còn được đo bằng số lượng văn bản hay thứ hạng quốc tế, mà bằng trải nghiệm thực tế của doanh nghiệp khi tiếp cận chính sách và dịch vụ công.

Với nhiều yêu cầu được đặt ra, ông Đậu Anh Tuấn - Phó Tổng Thư ký Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - cho rằng, để Nghị quyết số 02/NQ-CP không dừng lại ở mục tiêu trên giấy, cải cách môi trường kinh doanh trước hết cần được coi là nhiệm vụ trọng tâm của người đứng đầu Bộ, ngành, địa phương, gắn kết quả cải cách với đánh giá mức độ hoàn

thành nhiệm vụ. Cùng với đó, cải cách thủ tục hành chính phải đi vào thực chất, lấy thời gian, chi phí và mức độ hài lòng của doanh nghiệp làm thước đo. Số hóa cần được triển khai toàn trình, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, tránh tình trạng “điện tử hóa nửa vời” khiến doanh nghiệp vẫn phải đi lại nhiều lần.

Một yêu cầu then chốt khác được doanh nghiệp và các hiệp hội kiến nghị là bảo đảm tính ổn định và khả năng dự báo của chính sách. Mọi thay đổi liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cần được tham vấn đầy đủ, có lộ trình chuyển tiếp rõ ràng, hạn chế tối đa quy định chồng chéo, mâu thuẫn. Song song với đó, cần mở rộng cơ chế đối thoại công - tư theo hướng thường xuyên, thực chất, không chỉ dừng ở tiếp nhận kiến nghị mà phải có phản hồi, giải trình cụ thể. Khi chính sách “đi cùng chuyển động” của thị trường, cải cách mới thực sự phát huy hiệu quả.

Cuối cùng, giới chuyên gia nhấn mạnh cải cách phải gắn với giám sát độc lập và minh bạch. Khi kết quả được công khai, so sánh và xếp hạng giữa các Bộ, ngành, địa phương, áp lực cải thiện sẽ trở thành động lực cạnh tranh mạnh mẽ. Khi đó, cải cách môi trường kinh doanh mới thực sự trở thành điểm tựa thể chế, tạo đà cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển bứt phá trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

Nguồn: baokiemtoan.vn

KHẢN TRƯỞNG THÁO GỠ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHO CÁC DỰ ÁN TỒN ĐỘNG KÉO DÀI

Ngày 26/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài.

Nghị quyết nêu rõ, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương tổ chức triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài; không để lãng phí tài sản của nhà nước, người dân, doanh nghiệp kéo dài.

Sửa đổi, bổ sung các quy định để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các dự án

Chính phủ giao Bộ Tài chính phát huy tích cực vai trò cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng theo Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 11/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ (Ban chỉ đạo 751) để điều phối, hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, địa phương nghiên cứu, tổng hợp, rà soát và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án gặp khó khăn, vướng mắc tồn đọng kéo dài trên Hệ thống cơ sở dữ liệu của Ban chỉ đạo 751 (Hệ thống 751), báo cáo Ban chỉ đạo phương hướng xử lý cụ thể.

Bộ Tài chính căn cứ vào lĩnh vực, đặc điểm của từng nhóm khó khăn, vướng mắc của các dự án, chủ động đề xuất Ban chỉ đạo 751 có ý kiến chỉ đạo, giao các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan chủ trì xử lý dứt điểm theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách vượt thẩm quyền để trình cấp có thẩm quyền cho phép sửa đổi, bổ sung các quy định hoặc ban hành chính sách đặc thù để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các dự án theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách trình Chính phủ ban hành Nghị quyết tháo gỡ vướng mắc, khó khăn đối với các dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao được thực hiện trước thời điểm Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành (dự án BT chuyển tiếp) trong tháng 01 năm 2026; thông báo danh mục các dự án khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền xử lý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được tổng hợp trên Hệ thống 751 trong tháng 1 năm 2026 để các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chủ động xử lý theo thẩm quyền.

Chủ động hướng dẫn và mở Hệ thống 751 để các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tiếp tục cập nhật thông tin, danh mục các dự án gặp khó khăn, vướng mắc tồn đọng lâu dài mà đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được báo cáo hoặc xử lý, giải quyết.

Tích cực xử lý các dự án tồn đọng kéo dài lĩnh vực quy hoạch, đô thị, nhà ở

Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các chính sách đặc thù, điều kiện áp dụng, nguyên tắc thực hiện nêu tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 đối với các dự án, đất đai được áp dụng cơ chế chính sách theo mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội.

Chủ trì trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 265/2025/QH15 Kỳ họp thứ 10 Quốc hội, khóa XV về việc mở rộng phạm vi áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án có tình huống pháp lý tương tự trên phạm vi toàn quốc, bao gồm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Nghị định số 76/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và các quy định khác liên quan (trường hợp cần thiết) để đảm bảo áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tích cực, chủ động xử lý các dự án tồn đọng kéo dài theo thẩm quyền hoặc xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù trình Chính phủ, Quốc hội ban hành Nghị quyết (nếu có) để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án trên Hệ thống 751 liên quan đến lĩnh vực đất đai, khoáng sản, nông nghiệp, thủy lợi và các lĩnh vực khác thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo chỉ đạo, phân công của Ban chỉ đạo.

Chính phủ giao Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tích cực, chủ động xử lý các dự án tồn đọng kéo dài theo thẩm quyền hoặc xây dựng cơ chế, chính sách trình Chính phủ, Quốc hội ban hành Nghị quyết (nếu có) để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, đô thị, nhà ở, xây dựng và các lĩnh vực khác thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi theo dõi của Bộ Xây dựng theo chỉ đạo, phân công của Ban chỉ đạo.

Bộ Công Thương chủ trì, chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tổ chức thực hiện giải pháp tháo gỡ vướng mắc cho các dự án điện năng lượng tái tạo theo cơ chế giá FIT sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua; phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh có dự án hưởng giá FIT kiểm tra, rà soát và xử lý vi phạm hành chính (nếu có) của các dự án trên theo thẩm quyền, quy định của pháp luật. Trường hợp có vướng mắc, gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính của các dự án theo quy định của pháp luật.

Rà soát danh mục các dự án, đất đai đề nghị cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm rà soát danh mục các dự án, đất đai đề nghị cho phép áp dụng cơ chế, chính sách được Quốc hội quyết nghị tại mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 trên địa bàn của mình đảm bảo bám sát nguyên tắc tại Nghị quyết số 170/2024/QH15 của Quốc hội và Kết luận số 182-KL/TW của Bộ Chính trị; hoàn thiện các thông tin còn thiếu gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ ban hành danh mục dự án, đất đai theo quy định tại Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội.

Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội đối với nội dung tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các dự án được Chính phủ phê duyệt cho phép tháo gỡ đảm bảo các điều kiện, nguyên tắc áp dụng nêu tại các Nghị quyết của Quốc hội, chịu trách nhiệm theo thẩm quyền.

Chịu trách nhiệm toàn diện, chủ động trong triển khai thực hiện và tháo gỡ ngay cho các dự án thuộc thẩm quyền xử lý của địa phương; định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả xử lý trên

Hệ thống 751 và báo cáo bằng văn bản về Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; kịp thời báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền trong quá trình thực hiện.

Nguồn: baочinhphu.vn

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ

Ngày 26/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.12/2026/NQ-CP về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu (gọi chung là Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi chung là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới luật có quy định liên quan đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

Vị trí, chức năng của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

Theo Nghị quyết, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan quân sự địa phương trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có chức năng tham mưu với đảng ủy, chỉ huy cấp trên; đảng ủy, chính quyền địa phương cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng ở địa phương; tổ chức xây dựng, quản lý, chỉ huy, điều hành đơn vị và lực lượng vũ trang thuộc quyền vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn cấp xã.

Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, trụ sở riêng.

Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

Nghị quyết nêu rõ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có nhiệm vụ tham mưu cho đảng ủy, chỉ huy cấp trên; đảng ủy, chính quyền cấp xã lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ chức, xây dựng, điều động lực lượng dân quân theo quy định của pháp luật.

Tham mưu cho đảng ủy, chính quyền cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về công tác quốc phòng địa phương; chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở địa phương; chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang khi có tình huống về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Về huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chủ trì tham mưu cho đảng ủy, chính quyền cấp xã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự, tìm kiếm, cứu nạn; chủ trì, phối hợp với cơ quan

chức năng cùng cấp xây dựng văn kiện tác chiến và thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện cho lực lượng thường trực, Dân quân tự vệ theo kế hoạch huấn luyện chiến đấu của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

Tổ chức hội thi, hội thao; tham gia hội thi, hội thao các cấp; duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chiến đấu của các lực lượng vũ trang địa phương, dân quân tự vệ thuộc quyền; phối hợp với các đơn vị Công an, Quân đội và lực lượng khác trên địa bàn trong diễn tập, hội thi, hội thao, phục vụ chiến đấu và chiến đấu; tham gia phòng, chống hoạt động khủng bố, phá hoại, gây rối, bạo loạn, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Về xây dựng lực lượng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có nhiệm vụ xây dựng lực lượng thường trực, lực lượng Dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; chủ trì tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã về công tác tuyển quân; thực hiện công tác tuyển sinh quân sự; phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan tiếp nhận, hướng nghiệp việc làm cho quân nhân xuất ngũ.

Về xây dựng khu vực phòng thủ, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cùng cấp tham mưu, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng tiềm lực trong khu vực phòng thủ và hoạt động của các lực lượng trong khu vực phòng thủ; chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang giữ vững khu vực phòng thủ trong mọi tình huống.

Ngoài ra, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cùng cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh; quản lý, tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định của pháp luật; phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn...

Tổ chức của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

Ban Chỉ huy quân sự cấp xã gồm Chỉ huy trưởng, Chính trị viên do Bí thư đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó, các trợ lý và nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ và các chức danh của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, bảo đảm không tăng tổng biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/01/2026 đến hết ngày 28/02/2027.

Trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực, nội dung quy định tại Điều 20, điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15 và nội dung trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác với quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị quyết này.

Nguồn: baochinhphu.vn

HOÀN THIỆN DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG

Ngày 29/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 18/NQ-CP về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng.

Nghị quyết nêu rõ, Chính phủ cơ bản thống nhất nội dung dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng do Bộ Tư pháp trình Chính phủ tại Tờ trình số 03/TTr-BTP ngày 09/01/2026 và được chỉnh lý, hoàn thiện theo Báo cáo số 29/BCBTP ngày 24/01/2026 của Bộ Tư pháp.

Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng, trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI.

Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm về nội dung tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội và chủ động báo cáo, giải trình trong quá trình thẩm tra, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chính phủ phân công Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng chỉ đạo trong quá trình hoàn thiện dự án Luật này.

* Theo Bộ Tư pháp, xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng nhằm thể chế hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, hướng tới việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, bảo đảm việc triển khai nhiệm vụ được thông suốt, hiệu quả, kịp thời, cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân, doanh nghiệp.

Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng được thực hiện trên quan điểm tiếp tục thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về hoạt động hỗ trợ tư pháp; cơ bản kế thừa chính sách, mục tiêu và định hướng xây dựng đã được Quốc hội khóa XV thông qua đối với Luật Công chứng năm 2024; tập trung sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định về đơn vị hành chính cấp huyện, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về công chứng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực công chứng; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các luật và quy định pháp luật có liên quan, đồng thời có tính dự báo đối với sự phát triển của hoạt động công chứng trong thời gian tới.

Nguồn: baochinhphu.vn

DỰ KIẾN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG NỘI TRÚ TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền.

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm thể chế hóa Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, hướng tới mục tiêu bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, đồng thời góp phần đào tạo nguồn nhân lực, ổn định dân cư và phát triển bền vững khu vực biên giới.

Bổ sung chính sách cho mô hình trường phổ thông nội trú mới

Hiện nay, các chính sách đối với học sinh và cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã biên giới hiện đang được thực hiện theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách và Nghị định số 339/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở học ở các xã biên giới đất liền.

Tuy nhiên, loại hình trường phổ thông nội trú là loại hình trường mới, lần đầu tiên xuất hiện và đã được đưa vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (Luật số 123/2025/QH15) và hiện nay, các chính sách cho học sinh học tại trường phổ thông nội trú và chính sách cho trường phổ thông nội trú chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào.

Do vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Nghị định này nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền, từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững và bảo đảm công bằng trong giáo dục giữa các vùng miền trên cả nước

Chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với học sinh

Dự thảo Nghị định quy định các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho học sinh theo hình thức học tập và sinh hoạt nhằm bảo đảm dinh dưỡng và điều kiện học tập. Đối với học sinh bán trú buổi trưa, dự thảo quy định mức hỗ trợ tiền ăn là 450.000 đồng mỗi tháng, đồng thời hỗ trợ 08 kg gạo mỗi tháng, với thời gian hưởng không quá 09 tháng trong một năm học.

Đối với học sinh nội trú mức hỗ trợ tiền ăn được xác định là 1.170.000 đồng mỗi tháng nhằm bảo đảm đủ ba bữa ăn mỗi ngày, kèm theo hỗ trợ 15 kg gạo mỗi tháng, với thời gian hưởng không quá 09 tháng trong một năm học.

Bên cạnh đó, dự thảo quy định mỗi năm học, học sinh trường phổ thông nội trú được hỗ trợ 2.050.000 đồng để mua đồng phục và học phẩm phục vụ học tập. Riêng học sinh nội trú, ở mỗi cấp học, được cấp một lần hiện vật gồm chăn, màn và đồ dùng cá nhân với mức trị giá 2.050.000 đồng cho mỗi học sinh. Đối với học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số học tiếng

Viết trước khi vào lớp 1, dự thảo Nghị định quy định được hưởng thêm 01 tháng các chính sách hỗ trợ nêu trên.

Tăng cường điều kiện hoạt động cho nhà trường

Không chỉ tập trung hỗ trợ học sinh, dự thảo Nghị định còn quy định các chính sách nhằm tăng cường điều kiện hoạt động cho các trường phổ thông nội trú. Theo đó, Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại, bảo đảm điều kiện sinh hoạt và an toàn cho học sinh.

Ngoài kinh phí thường xuyên, các trường được cấp bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như khám sức khỏe, mua thuốc, bảo hiểm y tế, mua sách giáo khoa cho học sinh mượn, trang bị dụng cụ nhà bếp và làm thẻ học sinh, với định mức tương đương trường phổ thông dân tộc nội trú.

Dự thảo cũng quy định việc cấp kinh phí để chi trả tiền điện, nước, phục vụ nấu ăn và quản lý học sinh ngoài giờ học. Đối với học sinh bán trú buổi trưa, mức hỗ trợ tiền điện, nước và nấu ăn bằng một nửa mức hỗ trợ của học sinh nội trú. Bên cạnh đó, các trường được hỗ trợ kinh phí 900.000 đồng cho mỗi học sinh trong một năm học để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc thù của loại hình trường.

Đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm nguyên tắc xét duyệt

Dự thảo Nghị định hướng tới đơn giản hóa thủ tục hành chính, không quy định các thủ tục phức tạp đối với phụ huynh. Việc xét duyệt học sinh được thực hiện ngay trong kỳ tuyển sinh theo kế hoạch của nhà trường, mỗi học sinh chỉ xét duyệt một lần cho toàn bộ cấp học.

Trong trường hợp số lượng đăng ký vượt quá chỉ tiêu, việc xét duyệt học sinh nội trú được thực hiện theo thứ tự ưu tiên gồm trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, học sinh thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo, học sinh thường trú tại vùng đặc biệt khó khăn hoặc có nhà ở xa trường và con gia đình chính sách.

Việc ban hành Nghị định được kỳ vọng sẽ góp phần chăm lo tốt hơn cho học sinh vùng biên giới, hạn chế tình trạng bỏ học, nâng cao dân trí, đồng thời tăng cường ổn định xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh tại các địa bàn chiến lược của Tổ quốc.

Nguồn: baohinhphu.vn

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG QUỸ DỊCH VỤ VIỆN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc ký Quyết định số 06/2026/QĐ-TTg về tổ chức, hoạt động, nguồn kinh phí và việc sử dụng nguồn kinh phí cho hoạt động bộ máy của Quỹ Dịch vụ viện thông công ích Việt Nam.

Quỹ hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập

Theo quy định, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý để thực hiện chính sách của Nhà nước về hoạt động viễn thông công ích.

Quỹ hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại và Kho bạc Nhà nước.

Quỹ có trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội.

Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

Quỹ thực hiện chức năng quản lý tài chính để hỗ trợ kinh phí kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích cho việc triển khai thực hiện chính sách của Nhà nước về hoạt động viễn thông công ích; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý, điều phối thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Quỹ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ theo quy định của Nhà nước; tiếp nhận các nguồn tài chính hợp pháp khác; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện các hoạt động viễn thông công ích theo quy định tại khoản 3 Điều 30, khoản 2, khoản 3 Điều 31, khoản 1, khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông số 24/2023/QH15, Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đồng thời, Quỹ thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao về việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về hoạt động viễn thông công ích; kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí cho hoạt động viễn thông công ích do Quỹ hỗ trợ; quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Thực hiện quản lý đầu tư cơ sở vật chất của Quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan; thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, công khai tài chính, báo cáo, thống kê theo quy định của pháp luật và Quyết định này; thực hiện quản lý viên chức, người lao động theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Quyền hạn của Quỹ

Quỹ có các quyền hạn sau:

- Kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và cơ chế quản lý tài chính hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích, cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ; xử lý các vi phạm của doanh nghiệp viễn thông trong việc chấp hành nghĩa vụ đóng góp tài chính vào Quỹ.

- Yêu cầu doanh nghiệp viễn thông cung cấp số liệu, tài liệu giải trình những vấn đề liên quan đến thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính cho Quỹ.

- Yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp báo cáo tình hình sử dụng kinh phí do Quỹ hỗ trợ để kiểm tra, giám sát theo quy định; tạm dừng hỗ trợ kinh phí hoặc thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hỗ trợ kinh phí vi phạm các quy định về sử dụng kinh phí của Quỹ hỗ trợ và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để vận động và tiếp nhận vốn tài trợ cho các chương trình, đề án, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Tổ chức bộ máy quản lý Quỹ

Quỹ có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Số lượng người làm việc của Quỹ bao gồm viên chức và lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật. Chế độ, chính sách đối với người làm việc của Quỹ áp dụng theo quy định của Bộ luật Lao động, pháp luật về viên chức và các quy định có liên quan.

Nguồn kinh phí cho hoạt động bộ máy của Quỹ

Nguồn kinh phí cho hoạt động bộ máy của Quỹ gồm:

a- Trích từ nguồn thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông. Mức trích cụ thể bằng 2,5% tổng số thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông.

b- Nguồn kinh phí đã trích 5% tổng số đóng góp của các doanh nghiệp hằng năm vào Quỹ theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 chưa sử dụng hết.

b - Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước (nếu có).

Quyết định nêu rõ, trường hợp mức trích cụ thể quy định tại a ở trên không đủ nguồn kinh phí cho hoạt động bộ máy của Quỹ hoặc số dư lớn, Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh tỷ lệ trích.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 28/01/2026 phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Hà Nhật Lệ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng.

* Thành phố Hà Nội

- Miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Anh Tuấn, nguyên Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

- Điều động, bổ nhiệm ông Cù Ngọc Trang, Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố, đến nhận công tác tại Sở Khoa học và Công nghệ và giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội.

- Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hiền, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đến nhận công tác tại Sở Giáo dục và Đào tạo, giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Long, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tú, Phó Giám đốc Sở Tài chính, giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài chính Hà Nội.

* Tỉnh Quảng Trị

- Bà Phạm Thị Hân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, Bí thư Đảng ủy phường Đồng Hới thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, thôi giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy phường Đồng Hới; điều động, phân công đến công tác tại cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Ông Phan Mạnh Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, Bí thư Đảng ủy phường Ba Đồn thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, thôi giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy phường Ba Đồn; điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy phường Đồng Hới nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Phạm Quang Ánh, Phó Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy UBND tỉnh; được điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Ba Đồn nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Nguyễn Chí Thắng, Bí thư Đảng ủy xã Phú Trạch thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy, thôi giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Phú Trạch; được điều

động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động, chỉ định ông Hoàng Đăng Anh, Phó trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quảng Trị tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Phú Trạch nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn/vov.vn